

012

13

014

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
ANNUAL REPORT

2014

15

016

MỤC LỤC

Thông điệp Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thông tin chung

04	Thông tin khái quát
05	Quá trình hình thành và phát triển
06	Lĩnh vực kinh doanh chính
07	Định hướng phát triển
08	Các rủi ro

Tình hình hoạt động 2014

10	Tình hình hoạt động
18	Ban Điều hành
21	Cơ cấu cổ đông
22	Sơ đồ tổ chức
23	Chính sách phát triển nguồn nhân lực
24	Tình hình tài chính và các chỉ tiêu tài chính

Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Quản trị Công ty

38	Hội đồng Quản trị
43	Ban Kiểm soát
44	Báo cáo Ban Kiểm soát
47	Thù lao HĐQT

Báo cáo tài chính 2014

51	Bảng Cân đối kế toán
55	Báo cáo Kết quả kinh doanh
56	Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ
59	Thuyết minh Báo cáo Tài chính

THÔNG điệp CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



“Tập trung phát triển mạnh các dịch vụ, tăng cường quản lý chất lượng và quản trị rủi ro. Khẳng định vị thế và uy tín của VietinBankSc trên thị trường chứng khoán Việt Nam.”

Kính thưa Quý vị,

Năm 2014, kinh tế thế giới từng bước phục hồi nhưng tiềm ẩn nhiều bất ổn và suy giảm niềm tin do các cuộc khủng hoảng chính trị. Việc thắt chặt tiền tệ và hạn chế chi tiêu công tại Châu Âu đã khiến tốc độ tăng trưởng kinh tế Eurozone chậm lại, chính sách Abenomics bắt đầu suy giảm hiệu quả ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế Nhật Bản,.. Trong bối cảnh bất ổn của nền kinh tế thế giới, kinh tế trong nước tuy chịu nhiều áp lực nhưng bước đầu cũng có một số tín hiệu tích cực. Năm 2014, GDP ước tính tăng 5,98%, cao hơn so với mức tăng 5,42% của năm 2013; chỉ số giá tiêu dùng CPI bình quân tăng 4,09% so với bình quân năm 2013. Lãi suất giảm, lạm phát và tỷ giá được kiểm soát tốt,.. đã tác động tích cực lên thị trường chứng khoán. Mặc dù chịu ảnh hưởng của những tin tức vĩ mô như tình hình căng thẳng ở Biển Đông, giá dầu quốc

tế giảm mạnh, dòng vốn nước ngoài suy giảm, thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn được chứng kiến những chuyển biến đáng khích lệ. Tại ngày 31/12/2014, chỉ số VN-Index đạt 545,63 điểm, tăng 8,12% so với cuối năm 2013, chỉ số HNX-Index đạt 82,98 điểm, tăng 22,32% so với cuối năm 2013. Tổng giá trị huy động vốn qua thị trường chứng khoán năm 2014 ước đạt 237 nghìn tỷ đồng, tăng 6% so với cùng kỳ năm 2013 và đóng góp 27,1% tổng vốn đầu tư toàn xã hội. Bên cạnh đó, các cơ quan quản lý cũng thực hiện một loạt các biện pháp có tính chất hỗ trợ và tăng sức hấp dẫn của thị trường như việc tái cấu trúc các tổ chức kinh doanh chứng khoán, triển khai sản phẩm mới như quỹ ETF, dự thảo quy định về thị trường chứng khoán phái sinh,...

Nhận định năm 2014 sẽ là một năm nhiều biến động với nhiều rủi ro khó lường, VietinBankSc đã kiên trì định hướng đầu tư cẩn trọng trong dài hạn bên cạnh việc linh động bám sát thị trường để tận dụng các cơ hội đầu tư tốt trong ngắn hạn, tiếp tục đẩy mạnh hoạt động cung cấp dịch vụ để tăng thu phí, đồng thời tiếp tục cải tiến nhằm nâng cao chất lượng phục vụ, đa dạng hóa dịch vụ, phát triển mạng lưới khách hàng, đáp ứng nhu cầu đầu tư của khách hàng,.. Nhờ vậy, kết quả kinh doanh đạt được của VietinBankSc là 83,2 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, đạt 118,8% so với kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao.

Dự báo năm 2015, kinh tế thế giới và trong nước tiếp tục phục hồi nhưng tốc độ chậm và độ ổn định không cao. Trong bối cảnh môi trường kinh doanh dự báo vẫn còn nhiều khó khăn, năm 2015 VietinBankSc dự kiến sẽ tập trung phát triển mạnh các dịch vụ môi giới chứng khoán, thúc đẩy hoạt động cho vay ký quỹ chứng khoán, đẩy mạnh mảng dịch vụ tư vấn mang lại giá trị gia tăng. Hoạt động đầu tư tiếp tục theo hướng thận trọng, an toàn đồng vốn. Song song với các định hướng kinh doanh là việc tăng cường lực lượng nhân sự chất lượng cao; tăng cường công tác quản lý chất lượng và quản trị rủi ro; đồng thời nâng cấp cơ sở hạ tầng và hệ thống công nghệ thông tin hiện đại để

thực hiện chiến lược phát triển mảng dịch vụ chứng khoán.

Thay mặt Hội đồng Quản trị, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành tới các cơ quan quản lý, đối tác, Quý khách hàng và Quý vị cổ đông về sự tin cậy, ủng hộ và hợp tác trong thời gian qua Quý vị đã dành cho VietinBankSc. Chúng tôi mong muốn sẽ tiếp tục được “Nâng giá trị đầu tư” như phương châm hoạt động của VietinBankSc trên con đường đồng hành cùng Quý vị trong thời gian tới. Chúng tôi tin tưởng rằng với sự quan tâm và hỗ trợ của các cơ quan quản lý, Ngân hàng Công thương Việt Nam, Quý khách hàng và Quý vị cổ đông, sự chỉ đạo của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành VietinBankSc và sự đồng lòng quyết tâm của toàn thể cán bộ nhân viên, VietinBankSc sẽ vượt qua khó khăn thử thách, hoàn thành kế hoạch và nhiệm vụ Quý vị cổ đông giao phó trong năm 2015, tiếp tục khẳng định vị thế và uy tín của mình trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Trân trọng cảm ơn!

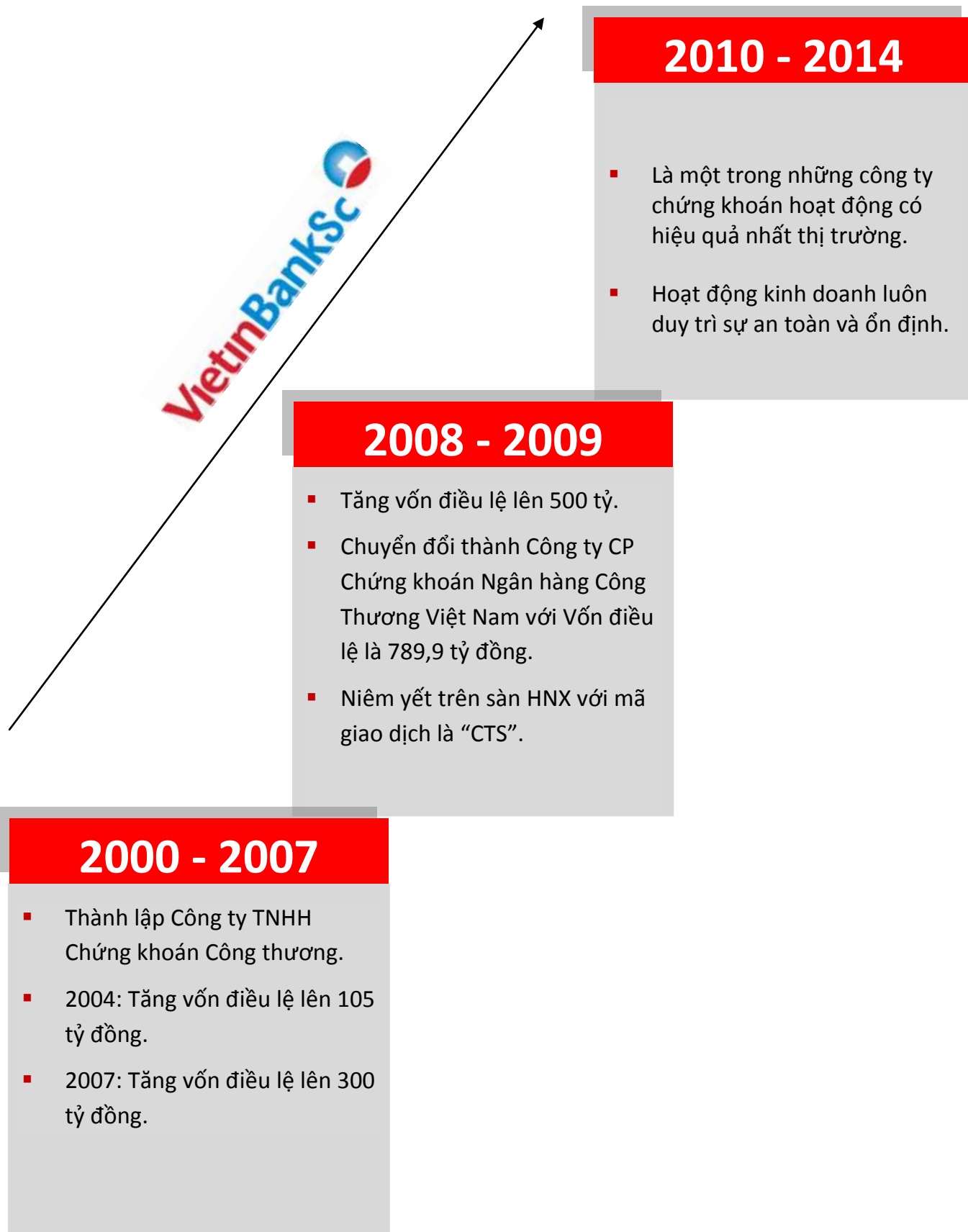
Vũ Hùng Sơn

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

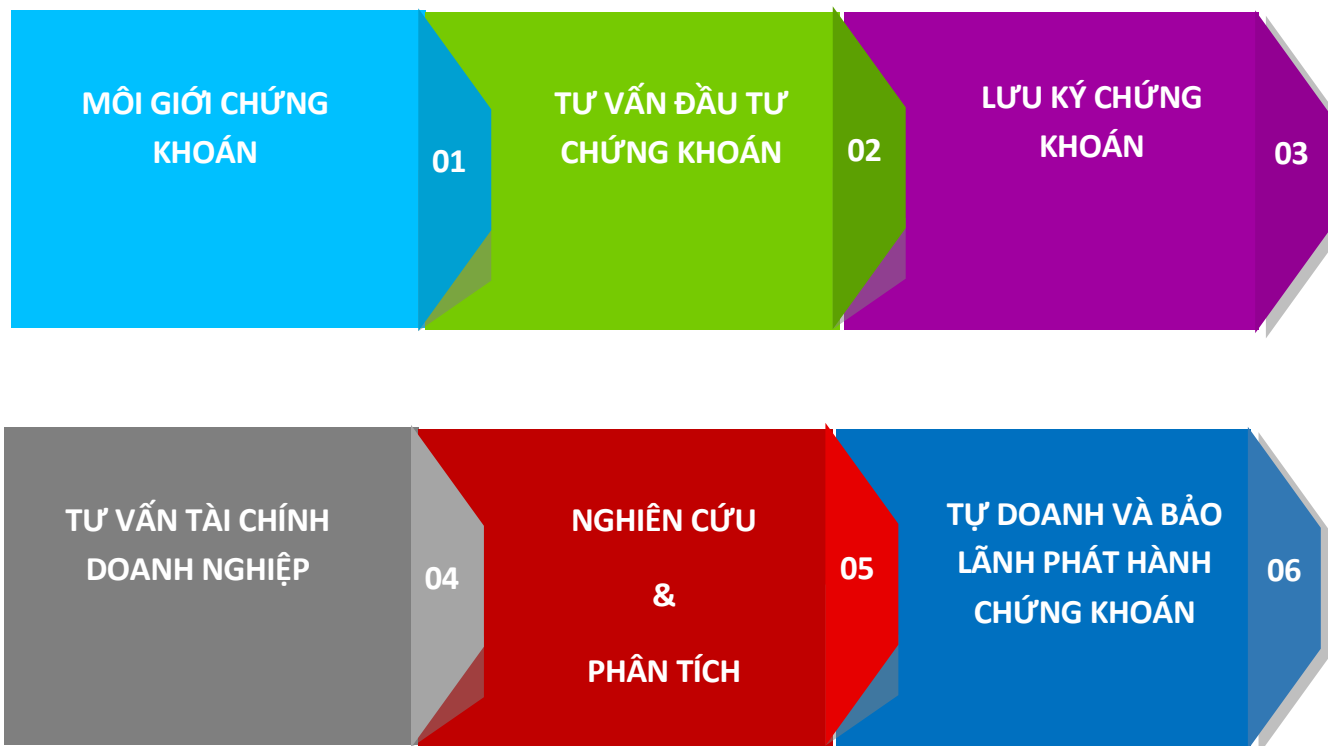
THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch:	Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam
Tên viết tắt	VietinBankSc
Mã CK:	CTS
Địa chỉ:	306 Bà Triệu, Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại:	04. 6278 0012
Fax:	04. 3974 1760
GP thành lập và hoạt động:	Số 107/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 01/07/2009, Giấy phép điều chỉnh số 75/GPĐC-UBCK ngày 29/02/2012
Website:	www.vietinbanksc.com.vn
Vốn điều lệ:	789,9 tỷ đồng

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



CÁC LĨNH VỰC KINH DOANH CHÍNH



Với bề dày kinh nghiệm của một trong 07 công ty hoạt động đầu tiên trên thị trường chứng khoán, VietinBankSc đã được khách hàng tin cậy đánh giá là một trong những công ty chứng khoán hàng đầu hoạt động chuyên nghiệp trong lĩnh vực chứng khoán. Hiện tại VietinBankSc có 01 trụ sở chính đặt tại Hà Nội, 01 chi nhánh và 01 Phòng giao dịch tại TP. Hồ Chí Minh.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

“ VIETINBANKSC ĐẶT MỤC TIÊU TRỞ THÀNH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN UY TÍN HÀNG ĐẦU ”

- VietinBankSc luôn phấn đấu nâng cao chất lượng dịch vụ, hướng tới sự hoàn thiện để phục vụ và thỏa mãn tốt hơn nhu cầu của khách hàng.
- Với phương châm sự an toàn – hiệu quả cho khách hàng là thước đo uy tín của Công ty, VietinBankSc cam kết sẽ không thực hiện các nghiệp vụ trái pháp luật, tuân thủ các nguyên tắc hoạt động chuẩn mực của thị trường, không thực hiện các nghiệp vụ trái pháp luật.
- Với những lợi thế sẵn có cùng nỗ lực không ngừng nghỉ, VietinBankSc phấn đấu tăng trưởng lợi nhuận bền vững qua các năm, tiếp tục duy trì vị thế là một trong những công ty chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam, xứng đáng là địa chỉ tin cậy của các nhà đầu tư và khách hàng.
- VietinBankSc đã và sẽ tiếp tục chia sẻ trách nhiệm với cộng đồng xã hội.

CÁC LOẠI RỦI RO

1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường được thể hiện thông qua những biến động về lãi suất, tỷ giá hối đoái, chi phí giá vốn...

Rủi ro lãi suất

- Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản nợ phải trả tài chính.
- Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Rủi ro tỷ giá

- Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Rủi ro về thay đổi tỷ giá ngoại tệ của Công ty chủ yếu liên quan đến các hoạt động của Công ty khi doanh thu hoặc chi phí có gốc ngoại tệ khác so với đồng tiền kế toán của Công ty.

Rủi ro về giá cổ phần

- Chứng khoán vốn niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ chịu ảnh hưởng của rủi ro giá thị trường phát sinh do tình

trạng không chắc chắn về giá trong tương lai của các khoản đầu tư chứng khoán. Việc đầu tư cổ phiếu do đó sẽ chịu rủi ro lớn khi mà năm 2014 vẫn được dự báo là một năm biến động và đầy khó khăn đối với các công ty hoạt động tại Việt Nam. Chính vì vậy, Công ty luôn tập trung đầu tư vào những công ty có tiềm năng và những công ty có cơ bản tốt để giảm thiểu sự ảnh hưởng của rủi ro giá thị trường.

2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Đầu tư chứng khoán nợ

- Rủi ro tín dụng liên quan đến đầu tư chứng khoán nợ dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty về đầu tư chứng khoán. Tại mỗi kỳ lập báo cáo tài chính, Công ty đánh giá rủi ro tín dụng đối với các chứng khoán nợ trên cơ sở thông tin về tình hình thị trường và khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Phải thu khách hàng

- Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

- Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo tài chính trên cơ sở từng khách hàng đối với tài khoản vay, phải thu. Các khoản phải thu khách hàng của Công ty thuộc một số lượng lớn khách hàng đa dạng và có tài sản đảm bảo đối ứng, do đó không có rủi ro tập trung tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

- Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các Chi nhánh Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam và một số ngân hàng lớn tại Việt Nam làm nhiệm vụ thanh toán bù trừ. Rủi ro tín dụng từ số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận kế toán và bộ phận nguồn vốn theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các thành phần trong Bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo tài chính là giá trị ghi sổ như trình thuyết minh V. Công ty đánh giá rủi ro tập trung về tín dụng liên quan đến tiền gửi ngân hàng ở mức độ thấp.

3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản tương đương tiền ở mức độ hợp lý đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

4. Rủi ro Pháp luật

Là công ty hoạt động trong thị trường chứng khoán còn non trẻ nơi mà hệ thống pháp luật liên quan đến thị trường chứng khoán đang trong giai đoạn hoàn thiện, văn bản pháp luật mới liên tục được ban hành, VietinBankSc luôn nhận thức rõ ràng những rủi ro từ sự thay đổi của pháp luật đến hoạt động của Công ty. Chính vì vậy, Công ty thường xuyên cập nhật những văn bản pháp luật mới nhất liên quan đến lĩnh vực chứng khoán và các lĩnh vực liên quan khác. Ngoài ra, Công ty đã và đang nâng cao kiến thức về pháp luật cho cán bộ công nhân viên cũng như tuyển dụng nhiều nhân lực có trình độ, hiểu biết sâu rộng về pháp luật. Nhờ đó đã giúp Công ty hạn chế những rủi ro liên quan đến vấn đề pháp luật.

5. Rủi ro hệ thống và bảo mật thông tin

Rủi ro hệ thống và vấn đề bảo mật thông tin của công ty cũng như của khách hàng là một trong những yếu tố sống còn đối với sự tồn tại, phát triển cũng như uy tín của các công ty chứng khoán nói chung và của VietinBankSc nói riêng. Công ty luôn thực hiện nghiêm túc quy trình về bảo mật thông tin, thường xuyên rà soát hệ thống nhằm tránh những nguy cơ có thể ảnh hưởng đến việc bảo mật thông tin như xuất hiện lỗ hổng bảo mật, virus hay sự tấn công của các hacker. Ban Kiểm soát Công ty thường xuyên kiểm tra, kiểm soát hoạt động của các phòng ban nhằm đảm bảo việc bảo mật thông tin và giảm thiểu, phòng tránh rủi ro hệ thống.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG 2014

TỔNG DOANH THU 2014

177.266
 TRIỆU ĐỒNG

Tổng tài sản 2014

1.139.278

TRIỆU ĐỒNG

Vốn chủ sở hữu 2014

925.996

TRIỆU ĐỒNG

Lợi nhuận sau thuế 2014

66.450

TRIỆU ĐỒNG

Chúng tôi đặt mục tiêu tăng trưởng **20%** trong năm **2015...**

Bảng kết quả hoạt động kinh doanh 2012 - 2014

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
1. Doanh thu	175.699	148.476	177.266
Doanh thu môi giới	37.504	30.181	53.961
Doanh thu đầu tư góp vốn	66.428	67.066	58.407
Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	250	1.191	300
Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	-	65	1.910
Doanh thu hoạt động tư vấn	14.334	9.183	30.095
Doanh thu lưu ký chứng khoán	4.417	5.762	4.782
Doanh thu khác	52.765	35.028	27.811
Lợi nhuận từ HĐKD	95.975	85.547	82.938
Lợi nhuận khác	(23)	13	232
Lợi nhuận trước thuế	95.952	85.560	83.170
Lợi nhuận sau thuế	72.740	65.237	66.450
Thị phần môi giới	2,7%	2,0%	1,8%
Tỷ suất lợi nhuận/Vốn chủ sở hữu (ROE)	8,3%	7,3%	7,3%

Năm 2014 thị trường chứng khoán chịu nhiều tác động từ những yếu tố bên ngoài, mà tiêu biểu là sự kiện Biển Đông và những biến động của giá dầu thế giới. Chỉ trong vòng 07 phiên, sự kiện Biển Đông đã khiến VN-Index sụt giảm hơn 11%, rơi xuống mức thấp nhất 508,51 điểm, HNX-Index giảm 13% còn 68,74 điểm. Sự kiện giá dầu thế giới giảm ảnh hưởng mạnh đến giá và quy mô vốn hóa của các cổ phiếu đầu khí. VN-Index chỉ trong 15 phiên cuối tháng 11 và đầu tháng 12 đã sụt giảm 27,8% và HNX-Index sụt giảm 6,7%. Tiến trình cổ phần hóa và

đưa doanh nghiệp lên sàn theo Nghị quyết 15/NQ-CP và Quyết định 51/2014/QĐ-TTg đã tạo một sức mạnh mới cho thị trường chứng khoán về vốn và sự minh bạch. VietinBankSc tiếp tục duy trì được sự ổn định trong hoạt động sản xuất kinh doanh và đạt được những thành tích nhất định, là một trong số ít công ty chứng khoán liên tục 15 năm có lãi và thực hiện trả cổ tức đều đặn cho cổ đông kể cả trong những năm khó khăn vừa qua.

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2014	Thực hiện 2014	% tăng giảm
Lợi nhuận trước thuế	70	83,2	18,8%

- ✓ Lợi nhuận của công ty năm 2014 tăng 18,8% so với kế hoạch điều chỉnh và đạt 83,2 tỷ đồng.
- ✓ Trong năm 2014, Công ty tiếp tục duy trì thị phần môi giới của mình trên thị trường, đạt mức thị phần chung 1,8% toàn thị trường. Doanh thu hoạt động môi giới năm 2014 tăng 78,8% so với năm 2013.
- ✓ Số lượng tài khoản chứng khoán tăng 4% trong năm 2014. Năm 2014, VietinBankSc tiếp tục tập trung hướng tới phát triển mạng lưới khách hàng trên toàn quốc bằng việc đồng bộ và hiện đại hóa hệ thống công nghệ thông tin và áp dụng cơ chế chính sách phí và dịch vụ linh hoạt và hấp dẫn đối với khách hàng VIP, khách hàng mang lại nhiều lợi ích cho Công ty.
- ✓ Năm 2014 là năm đột phá về hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp của Công ty với mức tăng 227,7% so với năm 2013. Đó là sự tin tưởng trong việc lựa chọn dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp của VietinbankSc mà các tổng công ty, tập đoàn lớn như Tập đoàn VinGroup, Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam, Tổng Công ty Lương thực miền Bắc, Tổng Công ty Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC),... đã hợp tác.

HOẠT ĐỘNG TỰ DOANH VÀ BẢO LÃNH PHÁT HÀNH

“Năm 2014, doanh thu từ hoạt động tự doanh và bảo lãnh phát hành đóng góp 33,1% vào tổng doanh thu của Công ty.”

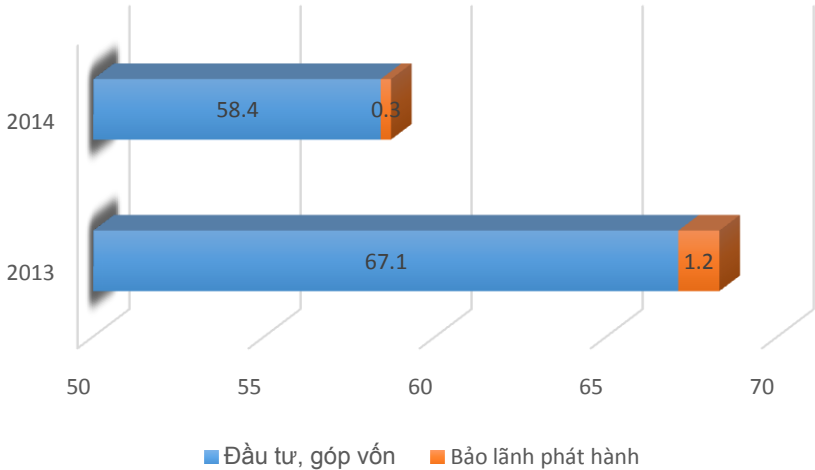
58,7 tỷ đồng
Doanh thu

Tổng quan

Hoạt động Tự doanh và Bảo lãnh phát hành tiếp tục đóng vai trò là nòng cốt trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Doanh thu từ hoạt động này luôn chiếm tỷ trọng cao trong tổng doanh thu toàn Công ty những năm vừa qua. Năm 2014 Công ty tiếp tục thực hiện chiến lược tập trung vào kinh doanh nguồn vốn, đầu tư trái phiếu doanh nghiệp, linh hoạt trong hoạt động đầu tư cổ phiếu niêm yết và hoạt động bảo lãnh phát hành. Chiến lược này đã tiếp tục khẳng định là chiến lược đầu tư hợp lý, hiệu quả của VietinBankSc trong năm 2014. Nhờ vậy Công ty đã vượt qua khó khăn khi lãi suất thị trường giảm mạnh, đồng thời quản lý nguồn vốn an toàn và có sinh lời trước sự biến động lớn của TTCK.

Cơ cấu doanh thu

(ĐVT: Tỷ đồng)



Hoạt động kinh doanh 2014

Doanh thu từ hoạt động tự doanh và bảo lãnh phát hành năm 2014 đạt 58,7 tỷ đồng, giảm 14% so với năm 2013. Doanh thu Bảo lãnh phát hành đạt 0,3 tỷ đồng giảm so với 1,19 tỷ đồng của năm 2013. Nguyên nhân của sự sụt giảm này là do mặt bằng lãi suất giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước ở tất cả các kỳ hạn. Lãi suất thị trường giảm khiến doanh thu từ kinh doanh nguồn vốn giảm mạnh, trong khi đây là nguồn thu chiếm tỷ trọng lớn. TTCK niêm yết tăng trưởng về chỉ số nhưng không bền vững, biến động phức tạp khó lường. Sự kiện Biển Đông trong Tháng 5, sự kiện an ninh kinh tế liên quan đến một số tổ chức, xét xử các vụ án lớn, giá dầu thô giảm mạnh... đã tác động xấu tới TTCK. Chỉ số VN-Index sau khi tăng mạnh lại giảm về gần mức đầu năm 2014. TTCK chưa niêm yết tiếp tục đóng băng, nguồn thu chủ yếu là từ cổ tức được trả hàng năm. Hoạt động bảo lãnh phát hành gặp nhiều khó khăn, các công ty chứng khoán khác phần lớn không có doanh thu từ hoạt động này. Với nỗ lực lớn, Công ty đã thực hiện BLPH thành công 300 tỷ đồng trái phiếu.

Đóng góp

33,1%

vào tổng doanh thu

Chiến lược phát triển 2015

1. VietinBankSc đã và đang xây dựng, triển khai chiến lược đầu tư kinh doanh định hướng an toàn, hiệu quả nguồn vốn đầu tư;
2. Thực hiện cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo hướng giảm tỷ trọng đầu tư trái phiếu, tăng tỷ trọng nguồn vốn cho hoạt động đầu tư cổ phiếu và nguồn vốn tài trợ các dịch vụ tài chính cho khách hàng như cho vay ký quỹ để tận dụng tối đa các cơ hội đầu tư hấp dẫn trên thị trường;
3. Tích cực tìm kiếm khách hàng và tận dụng hệ thống rộng lớn của VietinBank để khai thác, chào và cung cấp dịch vụ bảo lãnh phát hành.

HOẠT ĐỘNG TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

“Doanh thu từ HĐ Tư vấn TCDN năm 2014 tăng 227,7% so với năm 2013”

Tổng quan

Đây là dịch vụ được VietinBankSc chú trọng phát triển ngay từ những ngày đầu thành lập, đồng thời là hoạt động khẳng định thương hiệu của VietinBankSc trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

30,1 tỷ đồng

Doanh thu

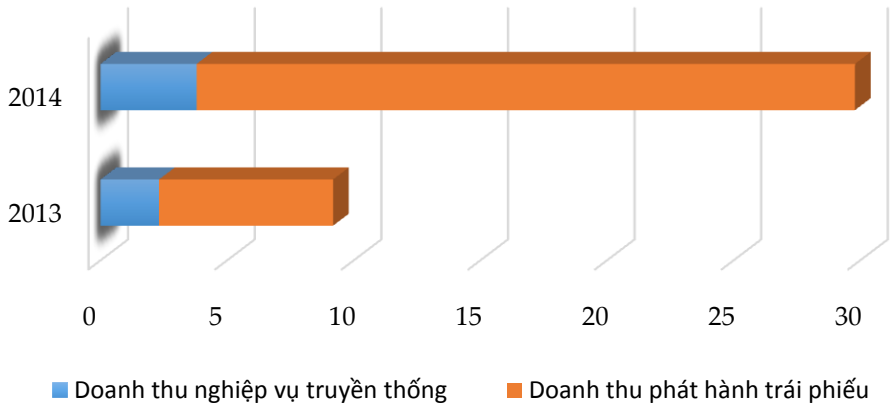
227,7%
so với năm 2013



Dịch vụ cung cấp	Một số khách hàng lớn năm 2014
Tư vấn Phát hành trái phiếu	CTCP Thương mại - Du lịch - Đầu tư Cù Lao Chàm, CTCP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh (CI), CTCP Cáp treo Bà Nà ...
Phát hành cổ phiếu	CTCP MHC, CTCP Viglacera Hạ Long, CTCP Giống cây trồng Trung ương, CTCP Xây lắp 1 - Petrolimex...
Cổ phần hóa	Cảng Nha Trang, Cảng Đà Nẵng, Công ty In Đường sắt, Công ty In và Văn Hóa Phẩm...
Chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính	Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam, Tổng Công ty Lương thực miền Bắc, Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC), Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam...

Cơ cấu doanh thu

(ĐVT: Tỷ đồng)



Tiếp cận

40

Doanh nghiệp

Hoạt động kinh doanh 2014

Kết thúc năm 2014, với sự nỗ lực không ngừng nghỉ của đội ngũ lãnh đạo và cán bộ phòng Tư vấn tài chính doanh nghiệp, doanh thu hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp đạt 30.095 triệu đồng, **tăng 227,7%** so với năm 2013. Đặc biệt, doanh thu từ hoạt động phát hành trái phiếu đạt 26.300 triệu đồng so với mức 6.873 triệu đồng của năm 2013.

Tiếp cận và phát triển quan hệ mới với khoảng 40 doanh nghiệp, trong đó bao gồm các Tập đoàn và các Tổng Công ty lớn như: Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam, Tổng Công ty Lương thực miền Bắc, Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC), Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam...

Ngoài ra, trong năm 2014, hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp tiếp tục xúc tiến phát triển nghiệp vụ tư vấn M&A, kết nối nhu cầu đầu tư giữa các doanh nghiệp Việt Nam và các đối tác trong và ngoài nước.

Chiến lược phát triển 2015

1. Tư vấn cổ phần hóa và tư vấn chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính cho các tập đoàn nhà nước đang có kế hoạch tái cấu trúc 2013 – 2015;
2. Tiếp tục đẩy mạnh việc khai thác lợi thế là công ty con của Ngân hàng TMCP CôngThương Việt Nam;
3. Tập trung vào các hợp đồng trái phiếu và M&A có giá trị cao.

HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN

“Doanh thu từ HĐ Môi giới chứng khoán năm 2014 đạt 53,9 tỷ đồng”

Tổng quan

Với hơn 14 năm hoạt động trên thị trường chứng khoán Việt Nam, VietinBankSc đã xây dựng được mạng lưới giao dịch rộng khắp cả nước để phục vụ khách hàng. Bên cạnh đó, với hệ thống công nghệ thông tin hiện đại cùng đội ngũ nhân viên được đào tạo bài bản, năng động, nhiệt tình, luôn tuân thủ khắt khe các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp VietinBankSc đã khẳng định được thương hiệu của mình trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Nhờ đó, trong những năm qua VietinBankSc luôn là địa chỉ tin cậy để nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch.

53,9 tỷ đồng

Doanh thu

78,8%

so với năm 2013



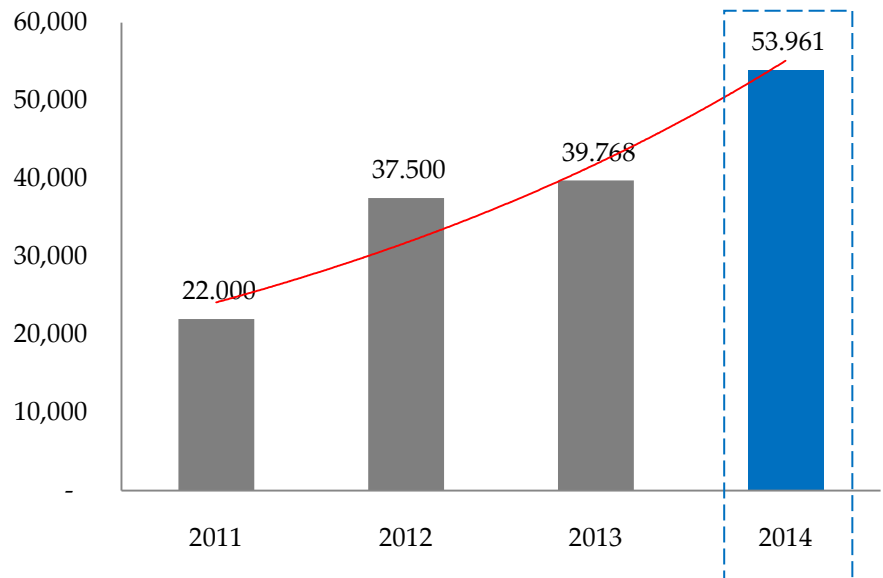
1,8%

Thị phần giao dịch toàn thị trường

Dịch vụ cung cấp	Tiện ích
Giao dịch chứng khoán	Cung cấp các hình thức giao dịch đa dạng: Đặt lệnh tại quầy, đặt lệnh qua điện thoại, đặt lệnh qua Internet
Hỗ trợ giao dịch	Cung cấp nhiều tiện ích tích hợp: tin nhắn SMS, Mua phát hành thêm – giao dịch lô lẻ qua điện thoại/Internet
Hỗ trợ tài chính	Ứng trước tiền bán quan điện thoại/internet, Vay ký quỹ chứng khoán
Khách hàng tiêu biểu	Tập đoàn Vingroup, Tập đoàn Đầu tư Việt Nam, Tập đoàn Bitexco, Tổng Công ty Thép, Công ty Quản lý Quỹ MB Capital...

Doanh thu môi giới qua các năm

(ĐVT: Triệu đồng)



54.956

**Tài khoản giao
dịch chứng khoán**

Hoạt động kinh doanh 2014

Năm 2014, Công ty đã tiếp tục thực hiện cải tổ hoạt động môi giới theo hướng chuyên nghiệp và hiện đại thông qua việc đầu tư công nghệ, gia tăng các tiện ích giao dịch và dịch vụ hỗ trợ. Tất cả các sản phẩm trên thị trường chứng khoán được pháp luật công nhận đều được triển khai ở VietinBankSc để cung cấp cho nhà đầu tư.

Tổng số tài khoản hiện tại là 54.956 tài khoản, tăng 2.109 tài khoản so với năm 2013. Doanh thu đạt 53,9 tỷ đồng tăng 78,8% so với năm 2013, thị phần đạt 1,8%.

Chiến lược phát triển 2015

1. Hướng tới các khách hàng tổ chức trong và ngoài nước để đẩy mạnh doanh thu và thị phần môi
2. Hiện đại hóa hệ thống Công nghệ thông tin, nâng cao hiệu quả khai thác mạng lưới khách hàng tại các chi nhánh của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam;
3. Tiếp tục chiếm lĩnh top đầu thị phần môi giới trên thị trường.

BAN ĐIỀU HÀNH

VietinBankSc có 5 thành viên trong Ban Điều hành bao gồm:

1. Ông **Đỗ Linh Phương** – **Tổng Giám đốc**
2. Ông **Bạch Nguyễn Vũ** – **Phó Tổng Giám đốc**
3. Bà **Nguyễn Thị Minh Hằng** – **Phó Tổng Giám đốc**
4. Ông **Nguyễn Minh Giang** – **Phó Tổng Giám đốc**
5. Bà **Phan Hải Sâm** – **Kế toán trưởng**



Ông ĐỖ LINH PHƯƠNG
Tổng Giám đốc
Năm sinh: 1981

Ông Đỗ Linh Phương có 10 năm kinh nghiệm làm việc trên thị trường tài chính Việt Nam và quốc tế. Tháng 01/2010, Ông gia nhập VietinBankSc và đảm nhiệm các chức vụ quản lý quan trọng như Phó Tổng Giám đốc, Phó Giám đốc Chi nhánh Hà Nội, Trưởng phòng Tự doanh và Bảo lãnh phát hành. Trước khi tham gia VietinBankSc, Ông Phương là Trưởng phòng Tự doanh Công ty Chứng khoán Vincom (trực thuộc Tập đoàn VinGroup), Phòng Kinh doanh Ngoại tệ và vốn tại Ngân hàng Mizuho,... Hiện nay Ông Phương đảm nhiệm vị trí Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Chứng khoán Công thương.

Ông Phương là cử nhân Đại học Ngoại thương Hà Nội, chuyên ngành Kinh tế đối ngoại. Ông có thời gian học tập tại Đại học Quốc tế Osaka (Nhật Bản) và nằm trong danh sách được trao tặng Học bổng Fulbright.



Ông BACH NGUYỄN VŨ
Phó Tổng Giám đốc
Năm sinh: 1977

Ông Bạch Nguyễn Vũ là một trong số những người tham gia thị trường chứng khoán Việt Nam từ những ngày đầu tiên (từ tháng 5/2000). Ông đã tham gia vào rất nhiều dự án tư vấn cổ phần hóa, tổ chức IPO, bảo lãnh phát hành, định giá doanh nghiệp... tại Công ty CP Chứng khoán Bảo Việt. Ở cương vị một nhà quản lý, Ông Vũ đã từng nắm giữ các chức vụ Quyền Tổng Giám đốc Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia, Tổng Giám đốc Công ty CP Chứng khoán Vincom, Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ ĐTCK Hapaco. Hiện nay Ông Vũ đảm nhiệm vị trí Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Chứng khoán Công Thương.

Ông Vũ đã hoàn thành học vị Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh theo chương trình đào tạo tại CFVG.



Bà NGUYỄN THỊ MINH HẰNG
Phó Tổng Giám đốc
Năm sinh: 1974

Với gần 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng, là một trong những người tham gia vào Thị trường chứng khoán Việt Nam từ những ngày đầu tiên, bà Nguyễn Thị Minh Hằng đã trải qua nhiều vị trí ở Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Bà cũng nắm giữ các chức vụ quan trọng ở Công ty CP Chứng khoán Dầu khí như: Giám đốc Ban Kinh doanh dịch vụ Chứng khoán, Giám đốc Ban Quản lý Nghiệp vụ, Giám đốc Ban Quản lý rủi ro...và đã có những đóng góp đáng kể cho sự phát triển của Công ty CP Chứng khoán Dầu khí. Trước khi được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc VietinBankSc, bà Hằng giữ chức vụ Trưởng phòng Nghiệp vụ chi nhánh và quản lý chất lượng dịch vụ, Khối vận hành Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (PVcomBank).

Bà Hằng đã hoàn thành học vị Thạc sỹ Tài chính - Tín dụng tại Học viện Ngân hàng.



Ông NGUYỄN MINH GIANG
Phó Tổng Giám đốc
Năm sinh: 1974

Trước khi đảm nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc Công ty Chứng khoán Công thương, Ông Nguyễn Minh Giang là thành viên kỳ cựu, gắn bó nhiều năm với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và lần lượt đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng như Kế toán trưởng, Phó phòng Kinh doanh, Trưởng phòng Kinh doanh Nguồn vốn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh.

Ông đã hoàn thành học vị Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh - Đại học Griggs Hoa Kỳ và Cử nhân luật - Đại học Luật Hà Nội.



Bà PHAN HẢI SÂM
Kế toán trưởng
Năm sinh: 1975

Trước khi đảm nhiệm vị trí Kế toán trưởng Công ty Chứng khoán Công thương, Bà Phan Hải Sâm có thâm niên công tác trong hệ thống Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam và lần lượt đảm đương nhiều vị trí quan trọng như Phó phòng Chế độ Kế toán, Phó phòng Thanh toán Ngân quỹ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam.

Bà Sâm đã hoàn thành học vị Thạc sỹ Kinh tế - Học viện Ngân hàng.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Cơ cấu vốn cổ phần của VietinBankSc

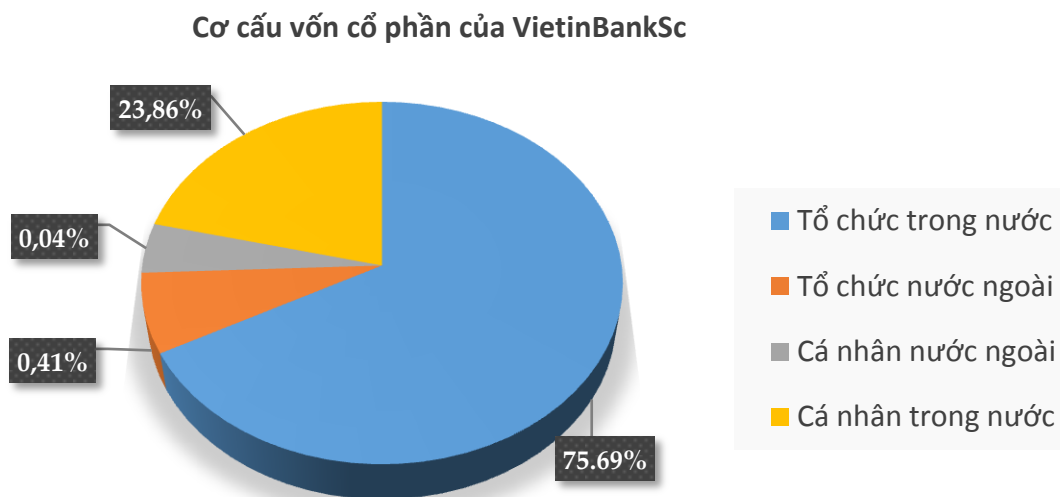
Cơ cấu vốn cổ phần của Công ty như sau:

Vốn điều lệ của Công ty	:	789.934.000.000	đồng
Khối lượng cổ phiếu niêm yết	:	78.993.400	cổ phiếu
Khối lượng cổ phiếu lưu hành	:	78.956.700	cổ phiếu
Khối lượng cổ phiếu quỹ	:	36.700	cổ phiếu

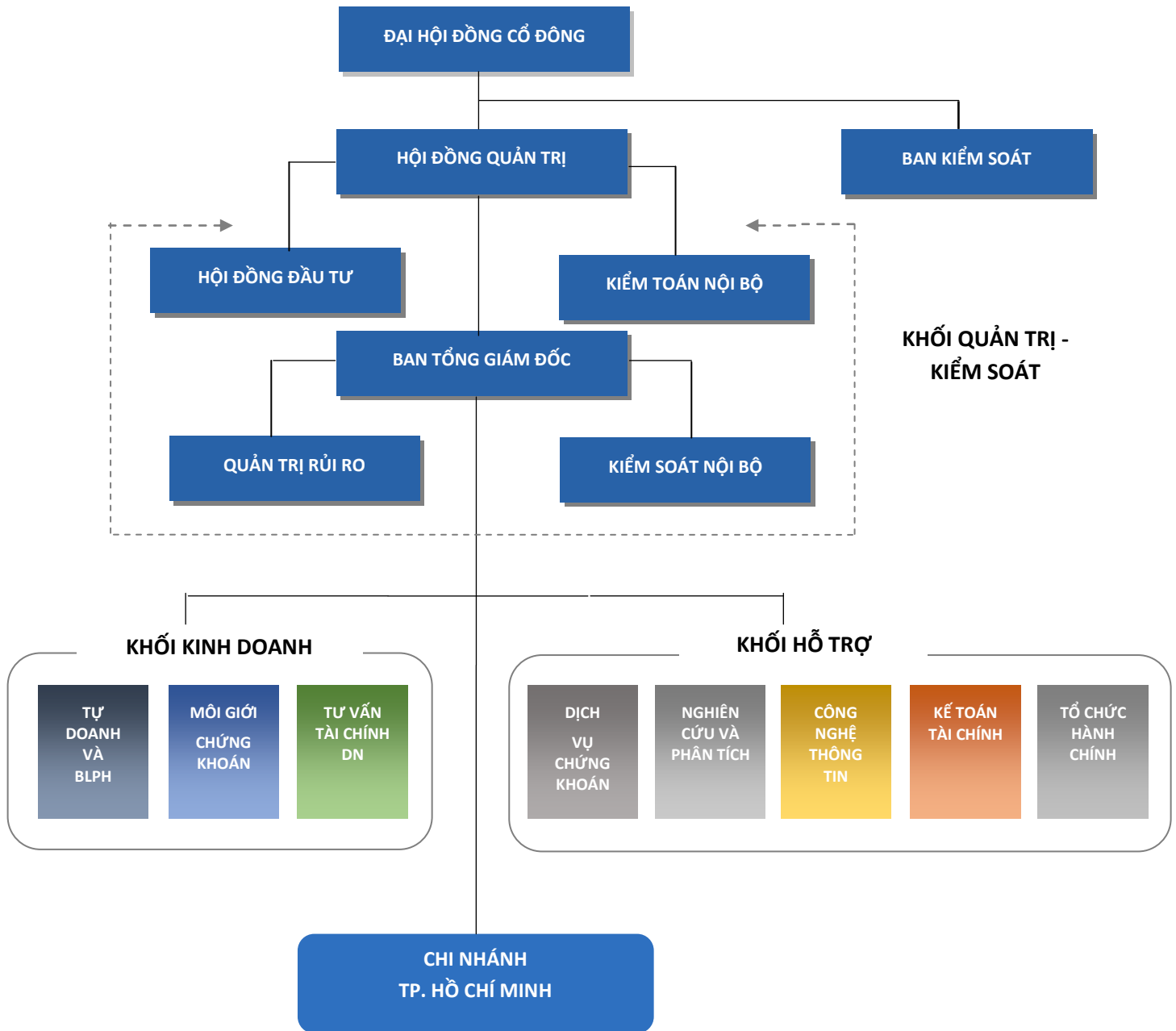
Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5,0% vốn cổ phần của VietinBankSc

Tên cổ đông	Số CMND/ĐKDN	Số CP sở hữu	Tỷ lệ
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	Giấy chứng nhận ĐKDN số 0103038874 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03/07/2009	59.723.194	75,6%
Đại diện bởi:			
- Ông Vũ Hùng Sơn	011634603	23.889.278	30,2%
- Ông Nguyễn Trần Mạnh Trung	012174588	17.916.958	22,7%
- Bà Nguyễn Thúy Hà	011946107	17.916.958	22,7%

Cơ cấu vốn cổ phần của VietinBankSc

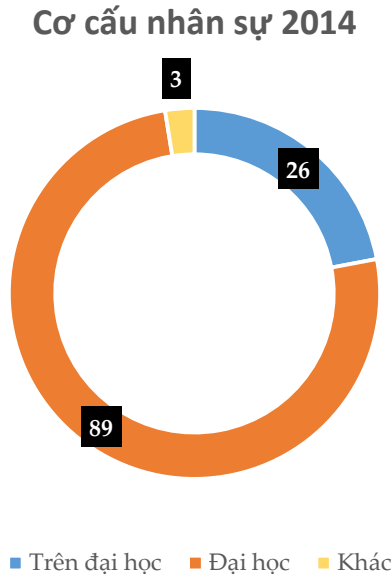


SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



Số lượng cán bộ, nhân viên của VietinBankSc tại ngày 31/12/2014 là 118 CBNV

CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC



Năm 2012

124

Nhân sự

Năm 2013

124

Nhân sự

Năm 2014

118

Nhân sự

Trong đó:

Dưới 30 tuổi

28

Nhân sự

Trên 30 tuổi

90

Nhân sự

Phát triển nguồn nhân lực

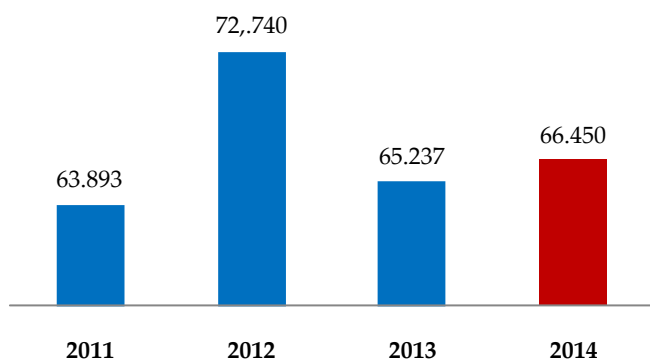
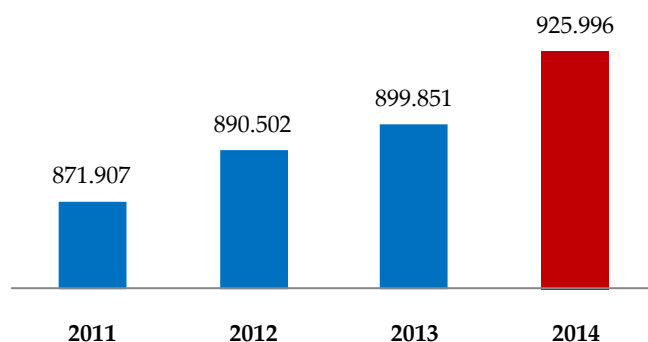
Một trong những thành công lớn của VietinBankSc trong chặng đường hơn 14 phát triển là tạo dựng đội ngũ nhân sự năng động, chuyên nghiệp. Ngay từ những ngày đầu thành lập, VietinBankSc đã chú trọng đến việc xây dựng và phát triển đội ngũ nhân sự với mục tiêu giỏi, chuyên nghiệp, tận tụy và trung thành với mục tiêu phát triển của toàn Công ty. Năm 2014, VietinBankSc tiếp tục triển khai đồng bộ các chính sách phát triển nguồn nhân lực như: sắp xếp, phân công công việc hợp lý, tiếp tục tuyển dụng cán bộ giỏi, có kinh nghiệm trên thị trường, xây dựng môi trường làm việc năng động, thẳng tiến và triển khai các chương trình đào tạo chuyên sâu, nâng cao trình độ cho người lao động để đáp ứng tối ưu nhu cầu của khách hàng. Đặc biệt năm 2014 VietinBankSc chú trọng kiện toàn bộ máy lãnh đạo các cấp nhằm đẩy mạnh hơn nữa sức mạnh nội lực – sức mạnh của nguồn lực nhân sự trong toàn Công ty.

Chính sách lương, thưởng và phúc lợi

Để duy trì đội ngũ cán bộ, nhân viên giỏi và thu hút nhân tài, bên cạnh chính sách tuyển dụng công khai minh bạch, VietinBankSc luôn chú trọng xây dựng chế độ đãi ngộ hấp dẫn với người lao động như chính sách lương, thưởng, phúc lợi nhằm nâng cao năng suất, hiệu quả làm việc của mỗi cá nhân. Năm 2014, VietinBankSc đã đưa vào áp dụng và triển khai chi trả lương cho người lao động theo KPIs. Qua đó gắn việc chi trả lương với năng suất, chất lượng công việc thực tế của người lao động. Với các bộ phận kinh doanh, VietinBankSc có những chính sách đãi ngộ kịp thời, phù hợp nhằm khích lệ người lao động không ngừng cố gắng cống hiến cho sự nghiệp phát triển chung của toàn Công ty.

Bên cạnh đó, chính sách phúc lợi và các đãi ngộ khác như kiểm tra sức khỏe định kỳ cho cán bộ, công nhân viên; chính sách thai sản,... cũng được Công ty chú trọng nhằm thể hiện sự gắn kết, quan tâm của VietinBankSc đối với người lao động mọi lúc, mọi nơi

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

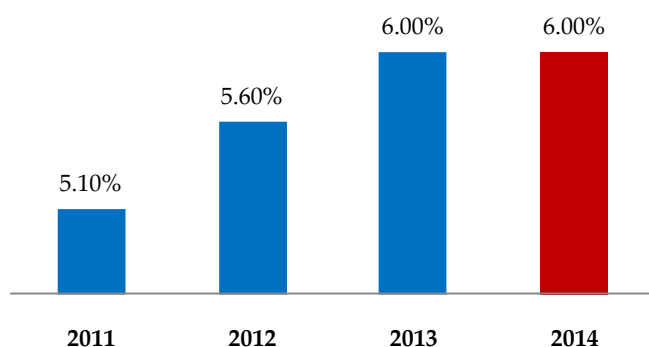
Lợi nhuận sau thuế 2011 - 2014

Vốn chủ sở hữu 2011 - 2014


Đơn vị: Triệu đồng

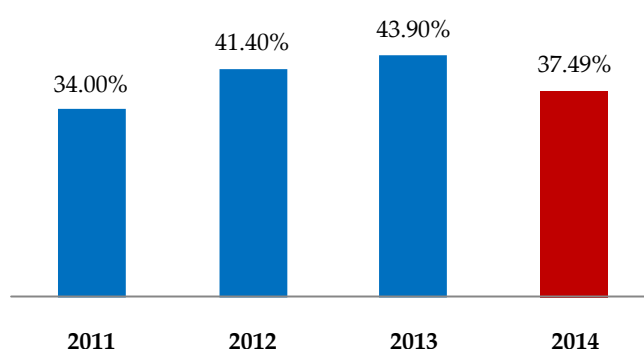
Chỉ tiêu	Năm	% tăng giảm	
	2014	2013	
1. Tổng giá trị tài sản	1.139.278	1.082.273	5,3%
2. Doanh thu	177.266	148.476	19,4%
Doanh thu môi giới	53.961	30.181	78,8%
Doanh thu đầu tư góp vốn	58.407	67.066	-12,9%
Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	300	1.191	-74,8%
Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	1.910	65	193,8%
Doanh thu hoạt động tư vấn	30.095	9.183	227,7%
Doanh thu lưu ký chứng khoán	4.782	5.763	-17,0%
Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	-	-	-
Doanh thu khác	27.811	35.028	-20,6%
3. Lợi nhuận từ HĐKD	82.938	85.548	-3,1%
4. Lợi nhuận khác	232	13	1.684,6%
5. Lợi nhuận trước thuế	83.170	85.560	-2,8%
6. Lợi nhuận sau thuế	66.450	65.237	1,9%

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

Tỉ suất lợi nhuận trên tổng tài sản



Tỉ suất lợi nhuận trên Doanh thu thuần



Chỉ tiêu	Năm	
	2014	2013
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
Hệ số thanh toán ngắn hạn	2,25	4,71
Hệ số thanh toán nhanh	2,25	4,71
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	0,19	0,17
Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	0,23	0,20
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
Vòng quay hàng tồn kho		
Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	0,16	0,14
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
Hệ số LNST/ Doanh thu thuần	0,37	0,44
Hệ số LNST/ Vốn chủ sở hữu (ROE)	7,3%	7,3%
Hệ số LNST/ Tổng tài sản	6,0%	6,0%

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

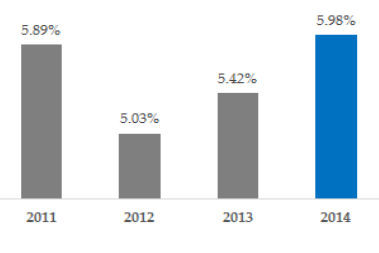
1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đánh giá chung

▪ Năm 2014, kinh tế thế giới phục hồi với tốc độ chậm và tiềm ẩn nhiều nguy cơ bất ổn do các cuộc khủng hoảng địa chính trị, xung đột leo thang. Bên cạnh kinh tế Mỹ với triển vọng tăng trưởng khả quan, kinh tế Châu Âu tăng trưởng chậm do ảnh hưởng của chính sách thắt chặt tiền tệ, kinh tế Trung Quốc đối mặt với nỗi lo giảm phát, kinh tế Nhật Bản chịu ảnh hưởng tiêu cực của việc nâng thuế tiêu thụ,.. Kinh tế trong nước chịu nhiều áp lực nhưng bước đầu cũng có một số tín hiệu tích cực. Ước tính năm 2014 GDP ước tính tăng 5,98%, cao hơn so với mức tăng 5,42% của năm 2013 nhờ vào gia tăng trong lĩnh vực xuất khẩu; CPI bình quân tăng 4,09% so với bình quân năm 2013. Lạm phát được kiểm soát ở mức thấp, cán cân thanh toán thặng dư, thị trường ngoại hối khá ổn định, tỷ giá USD/VND chỉ tăng 1% trong cả năm,..

KINH TẾ VIỆT NAM

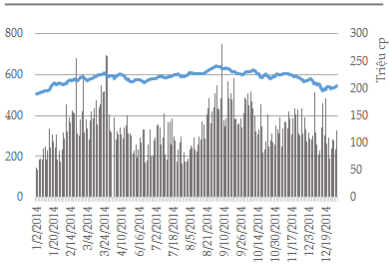
Tốc độ tăng trưởng



▪ Diễn biến của thị trường chứng khoán và môi trường kinh doanh năm 2014 không thuận lợi như dự báo ban đầu do ảnh hưởng của một số thông tin bất lợi như tình hình căng thẳng ở Biển Đông, giá dầu quốc tế giảm mạnh, tác động từ các quy định mới như Thông tư 36/2014/TT-NHNN,.. Mặt bằng lãi suất giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước ở tất cả các kỳ hạn, cụ thể là lãi suất kỳ hạn 01 tháng giảm từ 6%/năm xuống còn 4,5%/năm, 12 tháng giảm từ 7,5%/năm xuống còn 6%/năm; Lãi suất Trái phiếu Chính phủ trên thị trường sơ cấp giảm từ 7,6%/năm xuống còn 4,6%/năm đối với kỳ hạn 3 năm; Lãi suất Trái phiếu doanh nghiệp cũng giảm từ mức 11%- 12% xuống còn khoảng 10%. Thị trường chứng khoán có nhiều biến động. Tuy nhiên, nhờ quá trình tái cơ cấu hệ thống tổ chức tín dụng và môi trường kinh tế vĩ mô ổn định, thanh khoản hệ thống dồi dào,.. đã phần nào tác động làm giảm áp lực, góp phần nâng đỡ thị trường. Tại ngày 31/12/2014, chỉ số VNIndex đạt 545,63 điểm, tăng 8,12% so với cuối năm 2013, còn chỉ số HNXIndex đạt 82,98 điểm, tăng 22,32% so với cuối năm 2013. Theo số liệu của UBCKNN, tính đến ngày 08/12/2014, tổng giá trị giao dịch toàn thị trường đạt 1.164 nghìn tỷ đồng, tăng 90% so với năm 2013. Tổng giá trị niêm yết cổ phiếu, chứng chỉ quỹ là 425 nghìn tỷ đồng, tăng 19% so với năm 2013. Mức vốn hóa thị trường tính đến ngày 08/12/2014 đạt khoảng 1.156 nghìn tỷ đồng, tăng

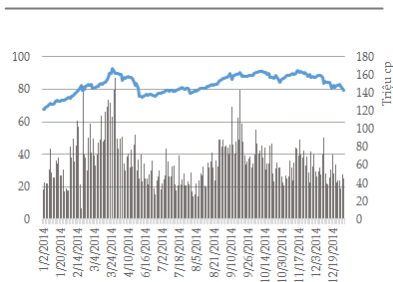
TTCK VIỆT NAM 2014

VNINDEX



TTCK VIỆT NAM 2014

HNNINDEX



21,77% so với năm 2013 và tương đương 32,24% GDP. Trong năm 2014, các cơ quan quản lý đã tiến hành rà soát đánh giá các chỉ số tài chính để phân loại và tái cấu trúc các tổ chức kinh doanh chứng khoán đạt kết quả tốt. Các sản phẩm mới cũng được nghiên cứu triển khai như sản phẩm ETF, quỹ hưu trí tự nguyện, quỹ hưu trí bổ sung, đặc biệt dự thảo Nghị định về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh đang trong quá trình thảo luận là bước tiến quan trọng trong việc tạo ra hành lang pháp lý cho việc triển khai các sản phẩm mới, tạo ra công cụ phòng ngừa rủi ro cho nhà đầu tư, tăng sức hấp dẫn cũng như góp phần đưa thị trường chứng khoán Việt Nam phát triển ở một tầm cao mới.

- Trong bối cảnh đó, năm 2014 bên cạnh việc kiên trì đầu tư cẩn trọng trong dài hạn và đẩy mạnh hoạt động cung cấp dịch vụ để tăng thu phí như định hướng đã đề ra, VietinBankSc đã thực hiện chiến lược đầu tư linh hoạt theo diễn biến thị trường. Theo đó giảm tỷ trọng đầu tư cổ phiếu niêm yết và tích cực mở rộng, đẩy mạnh các hoạt động đầu tư trái phiếu, giao dịch kỳ hạn trái phiếu chính phủ, góp vốn nhằm đảm bảo các hoạt động kinh doanh diễn ra một cách ổn định, bền vững,... Việc cung cấp dịch vụ tiếp tục được đẩy mạnh, tận dụng thế mạnh của Ngân hàng mẹ để phát triển mạng lưới khách hàng, trong đó chú trọng các khách hàng là tổ chức, doanh nghiệp. Hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp đạt được những kết quả nhất định khi hoàn thành 45 hợp đồng tư vấn, tập trung vào việc tư vấn cổ phần hóa và tư vấn chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính, tư vấn phát hành trái phiếu thành công cho các đối tác lớn. Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục cải tiến nhằm nâng cao chất lượng và đa dạng hóa dịch vụ, tăng cường công tác quản trị rủi ro đảm bảo kinh doanh an toàn và hiệu quả. Tuy vậy, bên cạnh những thành tựu nhất định, Công ty vẫn đối mặt với những khó khăn thách thức. Lãi suất giảm khiến doanh thu từ kinh doanh nguồn giảm mạnh. Thị trường chứng khoán biến động cũng ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động đầu tư.
- Năm 2014 nhờ chiến lược linh hoạt bám sát diễn biến thị trường và chuyển mạnh sang mảng dịch vụ để tăng thu phí, doanh thu từ hoạt động môi giới đạt gần 54,0 tỷ đồng, tăng 78,8% so với năm 2013. Thị phần hoạt động môi giới đạt 1,8% so với toàn thị trường. Hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp đạt doanh thu gần 30,1 tỷ đồng, tăng 227,7% so với năm 2013. Tuy vậy, do một số khó khăn thách thức trong năm 2014 như trên, doanh thu từ hoạt động đầu tư góp vốn đạt gần 58,41 tỷ

đồng, bằng 87,09% doanh thu năm 2013. Doanh thu bảo lãnh phát hành của VietinBankSc đạt 0,3 tỷ đồng, giảm 74,81% so với năm 2013 và tăng 20% so với năm 2012. Hoạt động lưu ký đạt doanh thu 4,78 tỷ đồng, giảm 17.01% so với năm 2013.

2. Tình hình tài chính.

Biến động tài sản trong năm 2014

- Năm 2014 tình hình tài sản của công ty không có biến động bất thường. Tổng tài sản đầu năm đạt trên 1.082 tỷ đồng, trong đó tài sản dài hạn xấp xỉ 234,7 tỷ đồng và tài sản ngắn hạn trên 847,6 tỷ đồng. Tổng tài sản cuối năm tăng 10,88% so với đầu năm, đạt trên 1.139 tỷ đồng, trong đó tài sản dài hạn xấp xỉ 662,5 tỷ đồng và tài sản ngắn hạn trên 476,8 tỷ đồng.
- Trong năm 2014, Công ty đã sử dụng và khai thác tài sản khá hiệu quả, không phát sinh các tài sản xấu cũng như các khoản nợ xấu khó đòi. Năm 2013, tổng tài sản của công ty không có biến động bất thường. Tổng tài sản đầu kỳ đạt trên 1.093 tỷ đồng trong đó tài sản dài hạn trên 258 tỷ và tài sản ngắn hạn xấp xỉ 836 tỷ đồng. Tổng tài sản cuối kỳ đạt trên 1.082 tỷ đồng trong đó tài sản dài hạn trên 235 tỷ đồng và tài sản ngắn hạn xấp xỉ 848 tỷ đồng.

Tình hình nợ phải trả

- Trong kỳ không phát sinh các khoản nợ, phải trả bất thường. Tình hình tài chính lành mạnh và Công ty đủ năng lực để thanh toán các khoản nợ.

3. Đổi mới về cơ cấu tổ chức, chính sách về quản lý và hoạt động kinh doanh.

Hoạt động kinh doanh

(i) Hoạt động tự doanh

Nhận định thị trường có độ ổn định thấp nên năm 2014 VietinBankSc thực hiện chiến lược đầu tư linh hoạt theo diễn biến thị trường. Theo đó giảm tỷ trọng đầu tư cổ phiếu niêm yết và tích cực mở rộng, đẩy mạnh các hoạt động đầu tư trái phiếu, giao dịch kỳ hạn trái phiếu chính phủ, góp vốn nhằm đảm bảo các hoạt động kinh doanh diễn ra một cách ổn định, bền vững trong giai đoạn cuối Quý II và Quý IV khi thị trường khó khăn với

nhiều thông tin bất lợi. Khi thị trường có dấu hiệu khởi sắc, VietinBankSc đã tận dụng các cơ hội đầu tư ngắn hạn. Tuy nhiên, do mặt bằng lãi suất giảm, thị trường chứng khoán chịu ảnh hưởng của việc giảm giá dầu, sự kiện Biển Đông,... cùng việc trích lập một số khoản đầu tư OTC đã ảnh hưởng đến doanh thu hoạt động tự doanh. Năm 2014, doanh thu hoạt động tự doanh đạt xấp xỉ 58,41 tỷ đồng, bằng 87,09% doanh thu năm 2013.

(ii) Hoạt động bảo lãnh phát hành

Năm 2014, doanh thu bảo lãnh phát hành của VietinBankSc đạt 0,3 tỷ đồng, giảm 74,81% so với năm 2013 và tăng 20% so với năm 2012. Kết quả này là do bối cảnh thị trường khó khăn, các công ty chứng khoán khác hầu như không có lãi từ mảng này, nhưng nhờ nỗ lực nắm bắt cơ hội đầu tư nên Công ty vẫn thực hiện bảo lãnh phát hành thành công 300 tỷ đồng trái phiếu, mang lại doanh thu 300 triệu đồng phí bảo lãnh phát hành. Năm 2015, Công ty sẽ đẩy mạnh việc tiếp cận khách hàng tiềm năng, tận dụng lợi thế Ngân hàng mẹ để tiếp tục đầu tư, gia tăng lợi nhuận từ mảng bảo lãnh phát hành.

(iii) Hoạt động Môi giới chứng khoán

Năm 2014, nhờ chiến lược tập trung vào mảng dịch vụ để tăng thu phí nên hoạt động môi giới chứng khoán của VietinBankSc đạt kết quả đột phá, doanh thu môi giới tăng mạnh 78,8% so với năm 2013, đạt trên 53,96 tỷ đồng. Thị phần hoạt động môi giới đạt 1,8% so với toàn thị trường. Trong năm VietinBankSc đã phát triển thêm 2.109 tài khoản và tính đến ngày 31/12/2014, số lượng tài khoản của nhà đầu tư đạt được là 54.956 tài khoản. Nhờ việc quản trị rủi ro tốt đối với hoạt động Môi giới chứng khoán và định hướng linh hoạt bám sát diễn biến thị trường nên trải qua các biến động trong năm, nhiều công ty chứng khoán bị thua lỗ, tổn thất nhưng hoạt động môi giới của Công ty vẫn diễn ra đảm bảo an toàn, hiệu quả mang lại cao.

(iv) Hoạt động Tư vấn tài chính doanh nghiệp

Năm 2014 cũng là một năm thành công đối với hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp của VietinBankSc khi doanh thu tư vấn đạt xấp xỉ 30,1 tỷ đồng, tăng 227,7% so với năm 2013. Số lượng hợp đồng Công ty đã hoàn thành trong năm là 45 hợp đồng, trong đó nhiều hợp đồng có giá trị cao với các đối tác lớn như Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC), Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Tổng Công ty Đường sắt Việt

Nam, Tập đoàn Vingroup,... Với việc hợp tác chặt chẽ với các đơn vị trong hệ thống Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Công ty đã và đang tiếp cận với các khách hàng tiềm năng trong các nghiệp vụ tư vấn cổ phần hóa, tư vấn phát hành trái phiếu doanh nghiệp,.. Năm 2015, Công ty sẽ thực hiện chiến lược phân khúc khách hàng; đẩy mạnh thực hiện các thương vụ mang lại giá trị gia tăng như thu xếp vốn, mua bán và sáp nhập,... tìm kiếm và mở rộng quan hệ với các tổ chức tài chính để gia tăng lượng khách hàng tiềm năng; bên cạnh đó tiếp tục chú trọng các hoạt động tư vấn truyền thống và khai thác lợi thế nguồn khách hàng sẵn có từ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam.

(v) Hoạt động Dịch vụ chứng khoán

Hoạt động Dịch vụ chứng khoán của Công ty được thiết kế an toàn song song với việc tiếp tục được triển khai, quản lý, giám sát tốt nên chất lượng dịch vụ được bảo đảm, không để xảy ra sai sót, tổn thất nào trong năm 2014. Các hoạt động quản lý cổ đông, lưu ký và thực hiện quyền cho nhà đầu tư, đại lý lưu ký và thanh toán lãi trái phiếu, mở tài khoản và thực hiện các dịch vụ cho khách hàng, v.v. được thực hiện nhanh gọn, chu đáo, hợp chuẩn. Doanh thu hoạt động lưu ký năm 2014 đạt 4,78 tỷ đồng, giảm 17.01% so với năm 2013. Để tăng doanh thu, năm 2015 bộ phận Dịch vụ chứng khoán dự kiến sẽ phối hợp chặt chẽ với bộ phận Môi giới và Tư vấn tài chính doanh nghiệp để tiếp cận khách hàng, chào dịch vụ quản lý cổ đông, tư vấn đăng ký chứng khoán,..; đồng thời phối hợp với bộ phận IT nghiên cứu triển khai việc hiện đại hóa cơ sở hạ tầng Công nghệ thông tin để tăng chất lượng dịch vụ.

Hoạt động hỗ trợ và quản trị rủi ro

(i) Hoạt động nghiên cứu phân tích

Bằng việc cung cấp các báo cáo phân tích, các khuyến nghị và nhận định thị trường đa dạng, có chiều sâu, hoạt động Nghiên cứu và phân tích đang chứng tỏ vai trò là cánh tay đắc lực hỗ trợ nghiệp vụ tự doanh chứng khoán cũng như môi giới chứng khoán của VietinBankSc. Xác định tầm quan trọng của hoạt động này, năm 2014 Công ty tiếp tục tiến hành cải tổ bộ máy nhân sự nghiên cứu phân tích toàn diện, tuyển dụng các nhân sự

có năng lực được đào tạo bài bản trong nước và nước ngoài; song song với việc chuyên nghiệp hóa hình thức và nội dung báo cáo, tăng cường hoạt động tìm hiểu thực tế và nghiên cứu doanh nghiệp, cung cấp các báo cáo ngành, báo cáo doanh nghiệp, báo cáo hàng ngày và trong tương lai là các báo cáo vĩ mô, báo cáo chiến lược đầu tư,.. nhằm đưa ra nhiều lựa chọn đầu tư và cái nhìn đa chiều hơn về tình hình thị trường cho nhà đầu tư và hoạt động tự doanh của Công ty. Trên cơ sở xem xét thị trường một cách cẩn trọng, các khuyến nghị có thể là tham chiếu tin cậy cho khách hàng và bản thân Công ty để tham khảo đầu tư, tăng giá trị đầu tư và hạn chế rủi ro mất vốn.

(ii) Công tác quản lý kế toán, tài chính

Hoạt động tài chính kế toán của VietinBankSc trong năm đã hạch toán chính xác, trung thực, kịp thời, đầy đủ toàn bộ tài sản và quá trình kinh doanh của Công ty, biến động tiền gửi của khách hàng giao dịch chứng khoán. Phối hợp với các bộ phận liên quan trong việc theo dõi sát tình hình đầu tư của VietinBankSc, phục vụ kịp thời các yêu cầu về vốn theo đúng chế độ quy định. Quản lý các khoản mục chi phí của Công ty đảm bảo tiết kiệm, chống lãng phí. Đồng thời cũng đã làm tốt công tác tham mưu cho Ban Điều hành trong các hoạt động tài chính, góp phần điều tiết và sử dụng đồng vốn của Công ty một cách an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.

(iii) Hoạt động công nghệ thông tin

Mảng công nghệ thông tin luôn đóng vai trò thiết yếu đối với hoạt động của VietinBankSc. Trong năm 2014, bộ phận Công nghệ thông tin của Công ty đã thực hiện xây dựng và triển khai một số chức năng mới cho hệ thống kết nối ngân hàng với Ngân hàng mẹ, phối hợp với các bộ phận duy trì hệ thống kết nối chạy ổn định với khối lượng giao dịch thanh toán tăng mạnh so với năm 2013. Đồng thời quản lý và vận hành an toàn hệ thống, đảm bảo kết nối ổn định, liên tục với hai Sở Giao dịch Chứng khoán và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán, phục vụ tốt hoạt động giao dịch của Công ty cũng như các nhà đầu tư. Năm 2015, Công ty sẽ tiếp tục đầu tư vào hệ thống Core chứng khoán và Contact Center để hiện đại hóa hệ thống cơ sở hạ tầng thông tin, nâng cao chất lượng dịch vụ và chăm sóc khách hàng, tiếp tục nâng cao tỷ lệ nhà đầu tư sử dụng dịch vụ giao dịch trực tuyến và giao dịch qua điện thoại tại Công ty để tiết kiệm được nhân công phục vụ và các chi phí khác, tăng năng suất lao động cho bộ phận môi giới và lưu ký chứng khoán.

(iv) Công tác kiểm tra kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro

Tiếp nối việc thành lập bộ phận quản trị rủi ro theo qui định tại Thông tư 210/2012/TT-BTC ngày 30/11/2012 của Bộ Tài chính và bộ phận kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng Quản trị vào cuối năm trước, năm 2014 VietinBankSc đã ban hành Quy định khung Quản trị rủi ro, nâng tầm quản trị rủi ro bài bản, hệ thống và toàn diện hơn, thiết lập các công cụ kiểm soát rủi ro hiệu quả giúp phát hiện và ngăn chặn rủi ro từ những giai đoạn sơ khai nhất. Bên cạnh đó Công ty cũng đã ban hành tương đối đầy đủ các quy trình nghiệp vụ kinh doanh cũng như các quy định về quản trị nội bộ, tiến hành công tác rà soát, sửa đổi, bổ sung và cập nhật kịp thời các quy định mới của pháp luật cũng như của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam nên các nghiệp vụ của Công ty đều được quản trị một cách chặt chẽ, an toàn.

(v) Quản lý công tác tổ chức, lao động tiền lương

Xác định nguồn nhân lực là nguồn lực quan trọng nhất, là chìa khóa của thành công nên năm 2014, VietinBankSc tiếp tục chính sách phát triển nguồn nhân lực, chú trọng việc tuyển dụng nhân sự có năng lực, đồng thời cạnh tranh thu hút nhân sự chất lượng cao trên thị trường. Có chính sách đãi ngộ, đề bạt cán bộ theo khả năng, đánh giá năng lực cán bộ lãnh đạo các cấp qua chỉ tiêu kinh doanh; có cơ chế thu hút nhân tài và cơ hội phấn đấu, thăng tiến bình đẳng. Việc sắp xếp lại lao động, điều chuyển và bố trí nhân sự phụ trách mảng công việc theo năng lực được thực hiện linh hoạt để cán bộ thường xuyên được trau dồi mở rộng nghiệp vụ, đồng thời tạo điều kiện để hỗ trợ lẫn nhau nhằm đảm bảo hoàn thành công việc được giao. Đồng thời VietinBankSc cũng thường xuyên tổ chức các khóa học nghiệp vụ và kỹ năng mềm đào tạo cho cán bộ nhân viên Công ty.

Cũng trong năm 2014, VietinBankSc đã áp dụng thành công chính sách lương theo KPIs (lương theo hiệu quả công việc). Bên cạnh đó, Công ty đã tiến hành sửa đổi Quy định chi trả tiền lương cho nhân viên phát triển thị trường, Quy chế tuyển dụng nhân sự,.. qua đó tạo động lực cạnh tranh và tăng sức hấp dẫn nhân sự trên thị trường về làm việc tại Công ty. Việc ra đời Quy chế đối thoại định kỳ giúp tăng cường công tác đối thoại trao đổi giữa lãnh đạo – nhân viên và giữa các bộ phận trong Công ty, qua đó kịp thời phát hiện và khắc phục vấn đề còn tồn tại, phát huy điểm mạnh và giá trị văn hóa doanh nghiệp, củng cố sự gắn bó đoàn kết trong nội bộ. Công ty cũng đang xây dựng dự thảo Bộ tiêu chuẩn chất lượng để tăng cường công tác quản trị, nâng cao chất lượng hoạt động của bộ máy.

4. Kế hoạch kinh doanh năm 2015

- Sang năm 2015, Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) dự báo tốc độ tăng trưởng kinh tế toàn cầu chỉ đạt 3,5%, thấp hơn 0,3% so với mức dự báo đưa ra tháng 10/2014. Việc hạ mức dự báo là do kinh tế châu Âu tăng trưởng chậm kéo dài với tốc độ tăng trưởng dự báo đạt 1,2% và lạm phát thấp do đầu tư suy yếu và xuất khẩu sang các thị trường mới nổi giảm; kinh tế Nhật dự báo chỉ đạt tốc độ tăng trưởng 0,6% khi các biện pháp kích thích kinh tế không đạt hiệu quả như mong đợi; bên cạnh đó là sự kéo lùi của các nền kinh tế mới nổi đang có xu hướng tăng trưởng chậm lại như Trung Quốc và các cuộc khủng hoảng địa chính trị chưa có dấu hiệu kết thúc. Kinh tế trong nước phải đối mặt với những bất lợi do ảnh hưởng của kinh tế thế giới. Tuy nhiên, với việc tổng cung được cải thiện nhờ quá trình tái cơ cấu, tiêu dùng phục hồi nhờ lạm phát thấp, các cơ hội thị trường mở ra khi Việt Nam hoàn tất đàm phán các Hiệp định Thương mại Tự do (FTA), bất động sản thoát đáy, ... kinh tế Việt Nam dự báo năm 2015 sẽ phục hồi với tốc độ tăng GDP khoảng 6,2%; kim ngạch xuất khẩu tăng khoảng 10%; CPI tăng khoảng 5%. Với nhận định thị trường như trên, định hướng cơ bản trong hoạt động kinh doanh của VietinBankSc năm 2015 là giảm tỷ trọng đầu tư trái phiếu, tăng tỷ trọng đầu tư cổ phiếu để tận dụng các cơ hội đầu tư hấp dẫn trên thị trường; đẩy mạnh các hoạt động cung cấp dịch vụ như cho vay giao dịch ký quỹ để tăng thu phí nhưng vẫn đảm bảo quản trị rủi ro tốt; bên cạnh đó sẽ tiến hành đổi mới hệ thống Công nghệ thông tin theo hướng hiện đại hóa; tăng cường đội ngũ nhân viên môi giới và tư vấn đầu tư chuyên nghiệp, luôn cập nhật các xu thế sản phẩm dịch vụ mới để tăng chất lượng dịch vụ, đón đầu nhu cầu giao dịch của nhà đầu tư.
- Mục tiêu của năm 2015 của VietinBankSc là tăng trưởng tối thiểu 20% các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận so với năm 2014.

Thay mặt Lãnh đạo Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam, tôi xin gửi lời tri ân sâu sắc đến Quý nhà đầu tư đã cùng đồng hành, gắn bó và hợp tác với VietinBankSc trên chặng đường đã qua và chân thành mong muốn trong tương lai được tiếp tục đồng hành và

chia sẻ thành công cùng Quý vị. Kính chúc Quý vị một năm mới an khang thịnh vượng, may mắn và thành công như ý.

Trân trọng!

**ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG GIÁM ĐỐC**



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong bối cảnh kinh tế còn nhiều bất ổn trong năm 2014, Hội đồng Quản trị đã kịp thời đưa ra những quyết định có tính chất định hướng chiến lược cho Công ty nhằm giảm thiểu rủi ro, tăng hiệu quả hoạt động để đạt được mục tiêu đã đề ra. Kết quả năm 2014 Công ty đạt **83,2** tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, tăng **18,8%** so với kế hoạch.

2014

Những thay đổi chủ yếu

- Năm 2014, VietinBankSc thực hiện chiến lược đầu tư linh hoạt theo diễn biến thị trường. Theo đó giảm tỷ trọng đầu tư cổ phiếu niêm yết và tích cực mở rộng, đẩy mạnh các hoạt động đầu tư trái phiếu, giao dịch kỳ hạn trái phiếu chính phủ, góp vốn nhằm đảm bảo các hoạt động kinh doanh diễn ra một cách ổn định, bền vững trong giai đoạn cuối Quý II và Quý IV khi thị trường khó khăn với nhiều thông tin bất lợi. Khi thị trường có dấu hiệu khởi sắc, VietinBankSc đã tận dụng các cơ hội đầu tư cổ phiếu thu lợi nhuận đột phá về cho Công ty.
- Năm 2014, VietinBankSc tiếp tục đạt được những thành tích đáng khích lệ trong hoạt động môi giới khi bám sát và tận dụng các cơ hội của thị trường, đặc biệt trong Quý I và Quý III. Thị phần môi giới đạt 1,8% thị phần giao dịch toàn thị trường; doanh thu môi giới đạt 53,96 tỷ đồng, tăng 78,8% so với năm 2013. Trong năm VietinBankSc đã phát triển thêm 2.109 tài khoản, nâng tổng số tài khoản của nhà đầu tư tại VietinBankSc lên con số 54.956 tài khoản.
- Năm 2014, nhân sự chủ chốt của VietinBankSc có sự thay đổi, theo đó Đại hội đồng cổ đông năm 2014 đã bầu ra Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2014-2019 với 03 thành viên mới. Bên cạnh đó VietinBankSc cũng đã thực hiện cơ cấu lại nhân sự Ban Điều hành theo hướng bổ sung, mang lại nhiều thay đổi tích cực cho bộ máy quản trị và chiến lược phát triển kinh doanh của Công ty.
- Năm 2014, VietinBankSc đã ban hành Quy định khung Quản trị rủi ro, nâng tầm quản trị rủi ro bài bản, hệ thống và toàn diện hơn, thiết lập các công cụ kiểm soát rủi ro hiệu quả. Bên cạnh đó, các quy định quản trị nội bộ được ban hành, rà soát, sửa đổi bổ sung, qua đó nhận diện và kiểm soát chặt chẽ các vấn đề còn tồn tại hoặc có thể phát sinh, góp phần giảm thiểu rủi ro. Do đó mặc dù thị trường diễn biến phức tạp, nguy cơ mất ổn định và rủi ro cao đối với hoạt động đầu tư của khách hàng, các hoạt động kinh doanh của VietinBankSc vẫn diễn ra an toàn và hiệu quả.
- Năm 2014, Công ty đã đưa vào vận hành thành công các tiện ích hỗ trợ nhà đầu tư, hoàn thành kết nối T.A với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, gia tăng các tiện ích giao dịch trực tuyến, nâng cao tỷ lệ giao dịch điện tử gồm cả giao dịch trực tuyến và qua điện thoại.

2015

Những định hướng quan trọng

▪ Đối với hoạt động môi giới

Tập trung gia tăng thị phần bên cạnh việc đẩy mạnh doanh số môi giới của VietinBankSc. Phát triển mạng lưới giao dịch của Công ty tại các phân khúc khách hàng tiềm năng song song với việc tận dụng nguồn khách hàng từ Ngân hàng mẹ. Đổi mới hệ thống công nghệ thông tin theo hướng hiện đại hóa và cập nhật các xu thế mới để tăng chất lượng dịch vụ, đón đầu các nhu cầu giao dịch của nhà đầu tư. Tăng cường đội ngũ nhân viên môi giới và nhân viên phát triển thị trường cả về số lượng lẫn chất lượng nghiệp vụ, áp dụng cơ chế lương theo doanh thu để tạo động lực mang lại kết quả kinh doanh đột phá cho Công ty. Đẩy mạnh mảng cho vay giao dịch ký quỹ nhưng vẫn chú trọng thực hiện tốt khâu quản trị rủi ro, đảm bảo hoạt động kinh doanh an toàn, hiệu quả.

▪ Đối với hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp

Tìm kiếm và triển khai các thương vụ tư vấn cổ phần hóa và tư vấn chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính cho các Tổng Công ty, Tập đoàn nhà nước đang có đề án tái cơ cấu. Tăng cường tìm kiếm các hợp đồng mang lại giá trị gia tăng như tư vấn phát hành trái phiếu doanh nghiệp, thu xếp vốn, tư vấn M&A,... Bên cạnh đó, thông qua việc khai thác lợi thế là công ty con của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, VietinBankSc chủ động phối kết hợp với các đơn vị trong hệ thống Ngân hàng mẹ, đồng thời mở rộng quan hệ với các tổ chức tài chính, tổ chức kinh tế để tiếp tục đẩy mạnh các nghiệp vụ tư vấn tài chính.

▪ Đối với hoạt động tự doanh

Tái cấu trúc lại tài sản đầu tư của VietinBankSc theo hướng giảm tỷ trọng đầu tư trái phiếu, tăng tỷ trọng đầu tư cổ phiếu để tận dụng các cơ hội đầu tư ngắn hạn trên thị trường. Cân đối thực hiện các nghiệp vụ tiền gửi tiết kiệm, hỗ trợ kinh doanh margin và các hoạt động kinh doanh nguồn khác. Song song với đó là định hướng tiếp tục tăng quy mô tổng tài sản để tăng quy mô hoạt động của Công ty. Do thị trường còn nhiều biến số tiềm ẩn khả năng biến động lớn nên Công ty tiếp tục chủ trương kinh doanh có lãi nhưng phải đảm bảo đồng vốn của nhà đầu tư, theo sát diễn biến của thị trường để kịp thời nắm bắt các cơ hội đầu tư với kỳ vọng gia tăng lợi nhuận từ các khoản đầu tư cổ phiếu trên thị trường niêm yết.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng Quản trị giữ vai trò định hướng chiến lược kế hoạch hoạt động hàng năm, chỉ đạo và giám sát hoạt động của Công ty thông qua Ban Điều hành Công ty.

Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng Quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành có 03 thành viên là Ông **Vũ Hùng Sơn** – Chủ tịch HĐQT, Ông **Nguyễn Trần Mạnh Trung** - Ủy viên HĐQT và Bà **Nguyễn Thúy Hà** - Ủy viên HĐQT. Cơ cấu Hội đồng Quản trị gồm có 03 thành viên không điều hành đảm bảo cho Hội đồng Quản trị độc lập với Ban Điều hành.

Thay đổi HĐQT

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 của Công ty đã bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2014-2019. Theo đó, 5 thành viên Hội đồng quản trị bao gồm:

1. Ông Vũ Hùng Sơn
2. Ông Đỗ Linh Phương
3. Ông Nguyễn Trần Mạnh Trung
4. Ông Bạch Nguyễn Vũ
5. Bà Nguyễn Thúy Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

VietinBankSc có 5 thành viên trong Hội đồng Quản trị bao gồm:

- | | | |
|--------------------------------------|---|---------------------------------|
| 1. Ông Vũ Hùng Sơn | – | Chủ tịch HĐQT |
| 2. Ông Đỗ Linh Phương | – | Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc |
| 3. Ông Nguyễn Trần Mạnh Trung | – | Ủy viên HĐQT |
| 4. Bà Nguyễn Thúy Hà | – | Ủy viên HĐQT |
| 5. Ông Bạch Nguyễn Vũ | – | Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc |



Ông VŨ HÙNG SƠN

Chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 1973

Ông Vũ Hùng Sơn là chuyên gia có nhiều năm kinh nghiệm quản lý và am hiểu sâu sắc thị trường tài chính – ngân hàng. Với thâm niên làm việc trong hệ thống Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam cùng những kinh nghiệm thực tiễn, Ông Sơn đã được tin nhiệm để giao nhiều trọng trách tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam như Phó phòng Thị trường vốn, Trưởng phòng Thị trường vốn, Phó phòng Đầu tư. Hiện nay Ông Sơn đảm nhiệm vị trí Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Chứng khoán Công thương, Phó phụ trách ban Thư ký Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam.

Ông Sơn đã hoàn thành học vị Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh – Đại học Tổng hợp Jokoping, Thụy Điển.



Ông ĐỖ LINH PHƯƠNG

Ủy viên HĐQT

Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1981

Ông Đỗ Linh Phương có 10 năm kinh nghiệm làm việc trên thị trường tài chính Việt Nam và quốc tế. Tháng 01/2010, Ông gia nhập VietinBankSc và đảm nhiệm các chức vụ quản lý quan trọng như Phó Tổng Giám đốc, Phó Giám đốc Chi nhánh Hà Nội, Trưởng phòng Tự doanh và Bảo lãnh phát hành. Trước khi tham gia VietinBankSc, Ông Phương là Trưởng phòng Tự doanh Công ty Chứng khoán Vincom (trực thuộc Tập đoàn VinGroup), Phòng Kinh doanh Ngoại tệ và vốn tại Ngân hàng Mizuho,.. Hiện nay Ông Phương đảm nhiệm vị trí Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Chứng khoán Công Thương.

Ông Phương là cử nhân Đại học Ngoại thương Hà Nội, chuyên ngành Kinh tế đối ngoại. Ông có thời gian học tập tại Đại học Quốc tế Osaka (Nhật Bản) và nằm trong danh sách được trao tặng Học bổng Fulbright.



Ông NGUYỄN TRẦN MẠNH TRUNG

Ủy viên HĐQT

Năm sinh: 1983

Ông Nguyễn Trần Mạnh Trung có kinh nghiệm nhiều năm hoạt động trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng. Gia nhập Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Ông Trung đã lần lượt đảm nhận các chức vụ quản lý quan trọng như Trưởng phòng Quản lý hoạt động kinh doanh – Khối khách hàng doanh nghiệp, Phó phòng Quản lý rủi ro và nợ có vấn đề Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đống Đa. Hiện nay, Ông Trung đảm nhiệm chức vụ Ủy viên HĐQT Công ty Chứng khoán Công thương, Phó Giám đốc Khối khách hàng doanh nghiệp kiêm Trưởng phòng Khách hàng doanh nghiệp lớn – Khối khách hàng doanh nghiệp Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam.

Ông Trung là cử nhân Tài chính Ngân hàng – Đại học Kinh tế Quốc dân.



Bà NGUYỄN THÚY HÀ

Ủy viên HĐQT

Năm sinh: 1978

Bà Nguyễn Thúy Hà là chuyên gia trong lĩnh vực thẩm định cho vay khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ với trên 10 năm kinh nghiệm. Là thành viên gắn bó lâu năm với hệ thống Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Bà Hà lần lượt nắm giữ các vị trí Phó phòng Marketing và phát triển sản phẩm – Khối Khách hàng doanh nghiệp Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Chứng khoán Công thương, thực hiện công tác tín dụng tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Đa,.. Hiện nay, Bà Hà đảm nhiệm chức vụ Ủy viên HĐQT Công ty Chứng khoán Công thương, Phó phòng Phát triển sản phẩm và Marketing Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam.

Bà Hà đã hoàn thành học vị Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh theo chương trình đào tạo tại CFVG



Ông BẠCH NGUYỄN VŨ

Ủy viên HĐQT

Năm sinh: 1977

Ông Bạch Nguyễn Vũ là một trong số những người tham gia thị trường chứng khoán Việt Nam từ những ngày đầu tiên (từ tháng 5/2000). Ông đã tham gia vào rất nhiều dự án tư vấn cổ phần hóa, tổ chức IPO, bảo lãnh phát hành, định giá doanh nghiệp... tại Công ty CP Chứng khoán Bảo Việt. Ở cương vị một nhà quản lý, Ông Vũ đã từng nắm giữ các chức vụ Quyền Tổng Giám đốc Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia, Tổng Giám đốc Công ty CP Chứng khoán Vincom, Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ ĐTKH Hapaco. Hiện nay Ông Vũ đảm nhiệm vị trí Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Chứng khoán Công Thương.

Ông Vũ đã hoàn thành học vị Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh theo chương trình đào tạo tại CFVG.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Hội đồng Quản trị Công ty đã giám sát Ban Tổng Giám đốc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định pháp luật của Nhà nước, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và các cổ đông.
- Hội đồng Quản trị Công ty đã giám sát và chỉ đạo kịp thời đối với Ban Tổng Giám đốc để tổ chức thực hiện các mục tiêu kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông đề ra; giám sát công tác quản lý và điều hành kinh doanh trên cơ sở Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp; Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã tổ chức họp thường kỳ hàng tháng để xây dựng kế hoạch hoạt động công tác tháng, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên và thường xuyên đôn đốc kiểm tra việc thực hiện kết quả kinh doanh của Công ty. HĐQT yêu cầu Ban Tổng Giám đốc báo cáo định kỳ cũng như đột xuất về tình hình triển khai hoạt động kinh doanh, quản trị Công ty, qua đó HĐQT đã có các chỉ đạo xử lý kịp thời những vướng mắc trong công tác điều hành, triển khai các nhiệm vụ kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc, công tác quản trị rủi ro trên cơ sở các báo cáo của Tổng Giám đốc.
- Hội đồng Quản trị đã ban hành các quy chế, quy định, quy trình và các quyết định về công tác quản trị nội bộ đúng quy định Điều lệ Công ty; đồng thời giám sát việc tổ chức thực hiện và chấp hành các quy chế, quy định, quy trình của Ban Tổng Giám đốc bảo đảm an toàn cho các hoạt động của Công ty và tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.

Các cuộc họp của HĐQT:

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/QĐ-CKCT06	02/01/2014	Ban hành Quy định khung Quản trị rủi ro của Công ty CP Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam (Mã số: Qđ.06.06)
2	01/NQ-HĐQT-CKCT	12/03/2014	Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014
3	02/NQ-HĐQT-CKCT	10/04/2014	Bán cổ phiếu quỹ
4	04/NQ-HĐQT-CKCT	10/04/2014	Tạm hoãn ĐHĐCĐ thường niên năm 2014
5	13/QĐ-HĐQT-CKCT	15/04/2014	Thành lập Phòng Tư vấn tài chính doanh nghiệp tại Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
6	19/QĐ-HĐQT-CKCT01	05/05/2014	Ban hành nội dung sửa đổi, bổ sung lần thứ nhất Quy định chi trả tiền lương Công ty Chứng khoán Công thương ban hành theo Quyết định số 34/QĐ-HĐQT-CKCT01 ngày 18/12/2013 (Mã số Qđ.01.23)
7	20/QĐ-HĐQT-CKCT	22/05/2014	Ban hành Quy định chi trả tiền lương cho nhân viên phát triển thị trường tại Công ty Chứng khoán Công thương (Mã số Qđ.01.24)
8	05/NQ-HĐQT-CKCT	27/05/2014	Chốt thời gian và địa điểm tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2014
9	22/QĐ-HĐQT-CKCT01	28/05/2014	Thành lập Hội đồng tuyển dụng kỹ sư CNTT
10	23/QĐ-HĐQT-CKCT01	28/05/2014	Thành lập Hội đồng tuyển dụng Trưởng phòng CNTT
11	06/NQ- HĐQT-CKCT	16/06/2014	Bầu Chủ tịch HĐQT Công ty CP Chứng khoán NHCT VN nhiệm kỳ 2014 - 2019
12	25/QĐ-HĐQT-CKCT	19/06/2014	Chấm dứt Hợp đồng lao động với Ông Nguyễn Thọ Phùng - PTGD Công ty
13	27/QĐ-HĐQT-CKCT01	17/06/2014	Thành lập Hội đồng tuyển dụng kỹ sư CNTT (Ghi chú: Do có sự thay

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
			<i>đổi thành viên HĐQT từ ngày 16/06/2014)</i>
14	28/QĐ-HĐQT-CKCT01	17/06/2014	Thành lập Hội đồng tuyển dụng Trường phòng CNTT (<i>Ghi chú: Do có sự thay đổi thành viên HĐQT từ ngày 16/06/2014</i>)
15	33/QĐ-HĐQT-CKCT01	01/07/2014	Bổ nhiệm lại cán bộ Phan Hải Sâm - Kế toán trưởng
16	37/QĐ-HĐQT-CKCT	26/08/2014	Phê duyệt nguyên tắc chi lương bổ sung
17	37A/QĐ-HĐQT-CKCT01	26/08/2014	Bổ nhiệm lại cán bộ Nguyễn Minh Giang – PTGD Công ty
18	07/NQ-HĐQT-CKCT	28/08/2014	Chi trả cổ tức 2013
19	08/NQ-HĐQT-CKCT	04/09/2014	Bán cổ phiếu quỹ
20	41/QĐ-HĐQT-CKCT01	09/10/2014	Tiếp nhận và bổ nhiệm cán bộ Nguyễn Thị Minh Hằng – PTGD Công ty
21	42/QĐ-HĐQT-CKCT01	15/10/2014	Thành lập Hội đồng tuyển dụng
22	45/QĐ-HĐQT-CKCT	10/11/2014	Giải thể Tổ Kiểm tra kiểm soát nội bộ Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
23	09/NQ-HĐQT-CKCT	28/11/2014	Điều chỉnh kế hoạch kinh doanh năm 2014 * (<i>Ghi chú: xin ý kiến chủ trương điều chỉnh</i>)
24	47/QĐ-HĐQT-CKCT	10/12/2014	Ban hành Quy chế đối thoại định kỳ (Mã số QC.01.01)
25	10/NQ-HĐQT-CKCT	16/12/2014	Điều chỉnh kế hoạch kinh doanh năm 2014 * (<i>Ghi chú: xin ý kiến số liệu điều chỉnh</i>)
26	50/QĐ-HĐQT-CKCT	31/12/2014	Ban hành Hệ thống tài khoản áp dụng cho Công ty Chứng khoán Công thương (Mã số QT.02.06.III)

Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị:

- HĐQT không thành lập các tiểu ban trực thuộc HĐQT. Tuy nhiên để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, HĐQT đã:
- Cử thành viên HĐQT (Ông Bạch Nguyễn Vũ - Ủy viên HĐQT của Công ty) phụ trách hoạt động Quản trị rủi ro tại Công ty Chứng khoán Công thương theo Quyết định số 105/QĐ-UBCK ngày 26/2/2013 của UBCKNN về việc hướng dẫn thiết lập và vận hành hệ thống quản trị rủi ro trong công ty chứng khoán.
- Thiết lập Bộ phận Kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT theo Quyết định số 37/QĐ-HĐQT-CKCT01 ngày 31/12/2013 của HĐQT của Công ty. Bộ phận Kiểm toán nội bộ được thiết lập và thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo đúng quy định tại Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30/11/2012 của Bộ Tài chính.

BAN KIỂM SOÁT

- Ban Kiểm soát được ĐHĐCĐ bầu với nhiệm kỳ 05 năm. Ban Kiểm soát hiện có 03 thành viên, trong đó có 01 thành viên độc lập, 01 thành viên kiêm nhiệm phụ trách bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty, 01 thành viên là cán bộ quản lý của NHCT VN kiêm nhiệm thành viên Ban Kiểm soát của Công ty.
- Về cơ bản, hoạt động của Ban Kiểm soát được thực hiện theo Quy chế và Quy trình kiểm tra kiểm soát của Ban Kiểm soát đã được ĐHĐCĐ thông qua; các công việc khác HĐQT giao. Trong năm 2014, mặc dù chỉ có 02 thành viên thường trực nhưng Ban Kiểm soát đã phối hợp tốt với các phòng, các bộ phận trong Công ty duy trì hoạt động kiểm tra, giám sát trên mọi nghiệp vụ, đảm bảo tất cả các nghiệp vụ đều an toàn, thông suốt. Ban Kiểm soát đã phối hợp và sử dụng các bộ phận Quản trị rủi ro thuộc Công ty gồm Kiểm toán nội bộ; Kiểm tra Kiểm soát nội bộ, Bộ phận Quản trị rủi ro hoàn thành tốt nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao.



Ông **ĐINH HUY KIÊN**

Trưởng Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1972

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính kiểm soát



Ông **NGUYỄN THẾ HƯNG**

Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1974

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế



Bà **LÂM THỊ THU HƯỜNG**

Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1983

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Ngân hàng

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo Quy chế hoạt động và Điều lệ Công ty, trong năm 2014 Ban Kiểm soát đã thực hiện các công việc sau:

- Tham gia các cuộc họp định kỳ cũng như đột xuất của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Đóng góp ý kiến với Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu kinh doanh của Công ty.
- Tổ chức kiểm tra, giám sát hàng tháng, hàng quý; phân công trách nhiệm đến từng thành viên Ban Kiểm soát theo các chức năng đã được quy định. Hoạt động kiểm tra cũng được trọng tâm vào các nghiệp vụ có tiềm ẩn rủi ro cao như các hoạt động đầu tư, cho vay mua bán chứng khoán, nghiệp vụ mở TK và cung cấp các dịch vụ cho khách hàng.
- Kiểm tra, giám sát tính hợp pháp, trung thực trong quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán, báo cáo tài chính, báo cáo Tỷ lệ an toàn tài chính và việc chấp hành Điều lệ Công ty Chứng khoán Công thương, Nghị quyết Đại hội cổ đông, Quyết định của HĐQT.
- Thẩm định báo cáo hoạt động kinh doanh, báo cáo Tài chính, báo cáo các tỷ lệ an toàn tài chính hàng quý, bán niên và hàng năm của Công ty.
- Phân tích, đánh giá hoạt động kinh doanh; trên cơ sở đó, đưa ra các biện pháp chấn chỉnh, khắc phục sai phạm, hạn chế rủi ro trong hoạt động kinh doanh.
- Giám sát việc chấp hành các văn bản chính sách của nhà nước; quy trình, quy chế và các quy định nội bộ của Công ty. Giám sát việc ban hành, sửa đổi, bổ sung quy trình quy chế của Công ty.
- Tham gia các buổi làm việc của Ban Lãnh đạo với các sở ngành có liên quan để đẩy nhanh tiến độ mua hóa giá nhà đất tại 304-306 Bà Triệu – Hai Bà Trưng – Hà Nội (Trụ sở chính Công ty), tập trung giải quyết các vướng mắc trong quá trình hoàn thiện các thủ tục pháp lý để nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 50 năm và quyền sở hữu công trình trên đất.
- Thực hiện giám sát việc kiểm phiếu xin ý kiến các cổ đông về phương án điều chỉnh chỉ tiêu lợi nhuận năm 2014.
- Tham gia vào tiến trình hiện đại hóa hệ thống CNTT: thẩm định đánh giá các nhà cung cấp giải pháp Core, nâng cấp các phần mềm, tìm hiểu hệ thống Contact Center.

Giám sát công tác quản lý và điều hành của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc

- Các thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định pháp luật của Nhà nước, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2014, đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và các cổ đông.
- Hội đồng Quản trị Công ty, Ban Tổng Giám đốc đã chỉ đạo kịp thời và theo sát mục tiêu kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông đề ra, công tác quản lý và điều hành kinh doanh về cơ bản đều dựa vào Điều lệ Công ty; Luật Doanh nghiệp; Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã tổ chức họp thường kỳ hàng tháng để xây dựng kế hoạch hoạt động công tác tháng, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên và thường xuyên đôn đốc kiểm tra việc thực hiện kết quả kinh doanh của Công ty.
- Hội đồng Quản trị đã ban hành các quy chế, quy định, quy trình và các quyết định về công tác quản trị nội bộ đúng quy định Điều lệ Công ty; sửa đổi và bổ sung kịp thời một số quy định quản lý cho phù hợp với pháp luật hiện hành.
- Với nhận định trong năm 2014 nền kinh tế còn nhiều khó khăn, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã có những bước đi phù hợp như: tập trung đẩy mạnh kinh doanh nguồn vốn với lãi suất cao và an toàn; phát triển các dịch vụ như môi giới, tư vấn tăng thu phí dịch vụ. Do vậy, năm 2014, Công ty hoạt động an toàn và thực hiện đạt chỉ tiêu lợi nhuận do Đại hội đồng cổ đông giao.
- Các hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2014 về cơ bản được Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc chỉ đạo thường xuyên, chặt chẽ, tuân thủ các quy định của nhà nước, quy trình quy chế của Công ty. Năm 2014, Công ty không phát sinh bất cứ vấn đề tranh chấp nào liên quan đến hoạt động kinh doanh.

Giám sát hoạt động kinh doanh

- Ban Kiểm soát thường xuyên kiểm tra, giám sát việc tuân thủ quy trình, quy định về quản lý rủi ro cũng như việc tuân thủ pháp luật trong các hoạt động kinh doanh của Công ty, đưa ra những kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các bộ phận, từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty. Các hoạt động kinh doanh của Công ty đều được kiểm soát chặt chẽ, đảm bảo thực hiện đúng, đầy đủ quy trình theo quy định của Công ty và theo pháp luật.

Soát xét báo cáo tài chính năm 2014:

- Báo cáo tài chính năm 2014 đã được Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt kiểm toán. Ban Kiểm soát thống nhất với ý kiến nhận xét và đánh giá về hoạt động và tài chính báo cáo năm 2014 của Công ty.

Giám sát việc thực hiện Nghị quyết Hội đồng Quản trị

- Hàng tháng, Ban Kiểm soát giám sát việc triển khai Nghị quyết Hội đồng Quản trị về các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh, các khoản đầu tư, các công việc đã thực hiện/ chưa thực hiện, những khó khăn vướng mắc của Ban Điều hành trong việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng Quản trị. Thông qua việc giám sát thực hiện Nghị quyết Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát đã góp phần đôn đốc thực hiện, nắm bắt và phản ánh kịp thời các vướng mắc trong quá trình các đơn vị triển khai Nghị quyết Hội đồng Quản trị.

Giám sát việc ban hành, sửa đổi hệ thống cơ chế, quy chế, quy định, quy trình

- Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành luôn xác định việc hoàn thiện, bổ sung quy trình nghiệp vụ và cập nhật các cơ chế chính sách mới là việc làm mang tính thường xuyên, liên tục để đảm bảo mọi hoạt động của Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật.
- Trong năm 2014, Ban Kiểm soát đã trình HĐQT ban hành Quy định khung quản trị rủi ro, trình ĐHĐCĐ thông qua Quy trình KTKS của Ban Kiểm soát. Ban Kiểm soát đã phối hợp với Phòng KTKSNB tiến hành

rà soát tổng thể hệ thống văn bản (quy trình, quy chế) của Công ty và đưa ra các kiến nghị, kế hoạch chỉnh sửa cụ thể đối với từng văn bản.

Chỉ đạo công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ

- Hoạt động kiểm tra, kiểm soát nội bộ là một bộ phận không tách rời của hoạt động nghiệp vụ, đảm bảo Công ty chứng khoán hoạt động an toàn, hiệu quả và bền vững.
- Trong năm 2014, Ban Kiểm soát cùng với Phòng Kiểm tra kiểm soát nội bộ đã kiểm tra toàn diện hoạt động của các Phòng ban nghiệp vụ. Qua kiểm tra, Ban Kiểm soát đã phản ánh kịp thời các sai sót trong quá trình tác nghiệp. Nhờ vậy, công tác quản trị rủi ro ngày càng được các Phòng ban, Chi nhánh chú trọng, các bước thực hiện bài bản, nề nếp hơn giúp nâng cao hiệu quả tham mưu cho Ban Lãnh đạo trong quá trình ra quyết định chỉ đạo, điều hành đảm bảo bám sát thực tế, an toàn cho hệ thống.

Kiến nghị

Ban Kiểm soát có một số kiến nghị, đề xuất với Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành Công ty như sau:

1. *Lựa chọn thời điểm và cơ hội thích hợp để mở rộng quy mô tài sản. Nghiên cứu đề xuất phương án tăng vốn điều lệ lên mức cần thiết để thực hiện nghiệp vụ phái sinh khi UBCKNN chính thức cho phép (Xem xét khả năng tăng vốn thông qua việc phát hành chứng khoán);*
2. *Tiếp tục củng cố và đầu tư hệ thống công nghệ thông tin hiện đại, làm nền tảng phát triển sản phẩm dịch vụ có tính cạnh tranh. Xem xét hoàn thiện đầu tư hiện đại hóa hệ thống Core và Contact Center trong năm 2015.*
3. *Tiếp tục theo dõi làm việc với các Sở, ngành hoàn thiện các thủ tục pháp lý nhận quyền sở hữu công trình trên đất và quyền sử dụng đất tại 304-306 Bà Triệu. Nghiên cứu khả năng đầu tư cũng như đề xuất thực hiện dự án “Đầu tư xây dựng trụ sở Công ty”.*
4. *Nâng cao chất lượng các mặt nghiệp vụ, phát huy thế mạnh mạng lưới Chi nhánh NHCT Việt Nam và hệ thống khách hàng của NHCT Việt Nam trên cả nước để phát triển khách hàng. Tìm kiếm các cơ hội bán chéo sản phẩm với NHCT VN và các Chi nhánh. Chú trọng phát triển các nhóm sale (nghiệp vụ môi giới); phối hợp chặt chẽ với Phòng Thị trường vốn – NHCT VN để thực hiện các hợp đồng tư vấn trái phiếu (nghiệp vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp).*
5. *Tiếp tục tìm kiếm đối tác chiến lược thông qua đó để tìm kiếm các cơ hội kinh doanh mới và nâng cao vị thế của Công ty;*
6. *Luôn xác định quản trị rủi ro là một trong những nhiệm vụ thiết yếu, làm nền tảng cho các dịch vụ hoạt động an toàn, tạo uy tín cho khách hàng. Ngoài việc tuân thủ các quy định của pháp luật, Công ty cũng phải tuân thủ các nguyên tắc hoạt động, chuẩn mực của thị trường.*

THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hàng năm, Đại hội đồng cổ đông thường niên đều thông qua mức thù lao cho Hội đồng Quản trị. Theo Nghị Quyết được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 thông qua ngày 26 tháng 04 năm 2013, mức thù lao của Hội đồng Quản trị năm 2014 bằng 2,0% lợi nhuận sau thuế năm 2014.

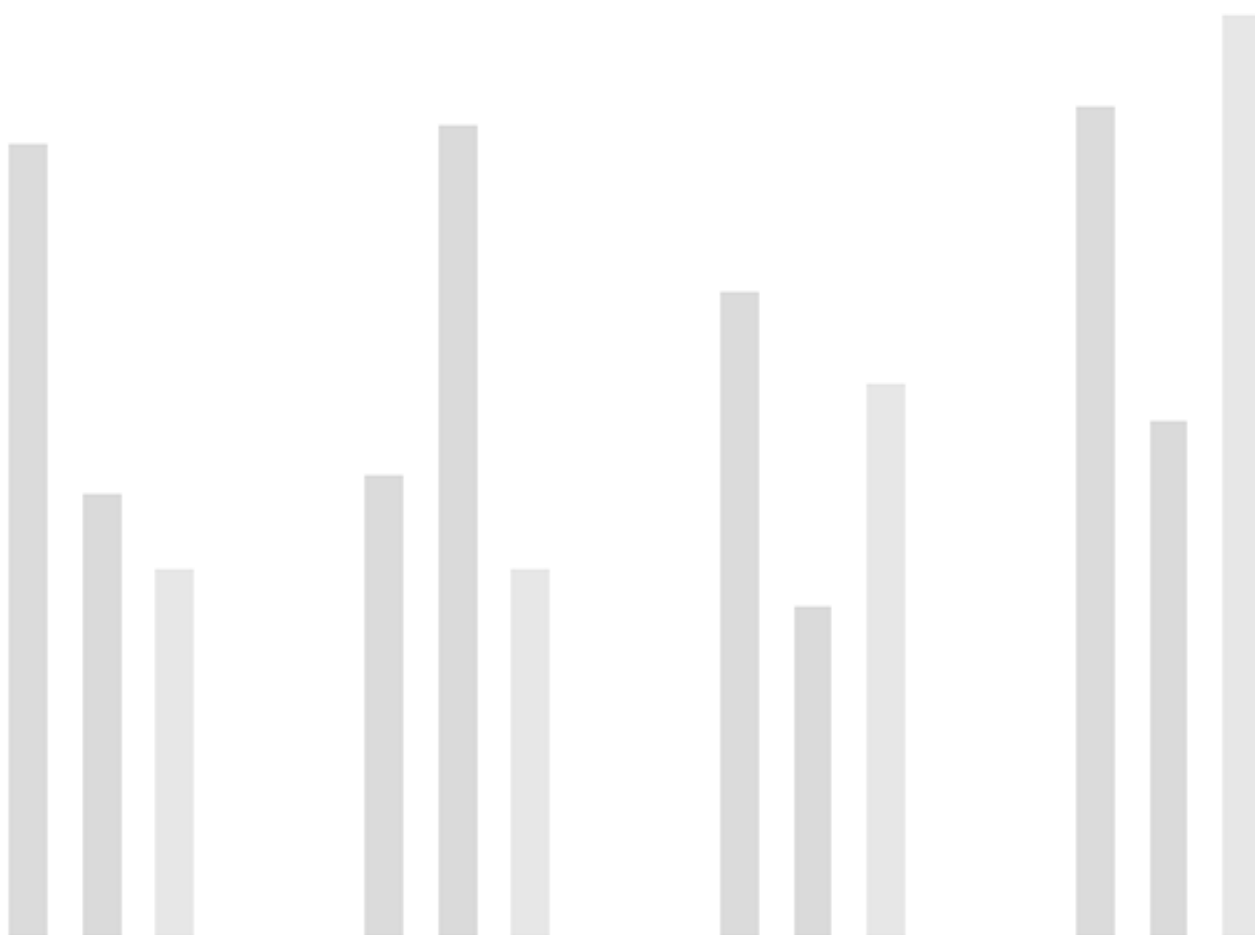
Căn cứ trên tình hình kinh doanh thực tế của Công ty trong năm 2014, số tiền thù lao cho Hội đồng Quản trị như sau:

Đơn vị: triệu đồng

Nội dung	Số tiền
Lợi nhuận sau thuế năm 2014	66.450
Thù lao Hội đồng Quản trị	1.305

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

2014



Số: 05/2015/BCKT-AASCN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**KÍNH GỬI: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam được lập ngày 09 tháng 01 năm 2015, từ trang 05 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động Vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các chính sách kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.


Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các chính sách kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

Giám đốc


Bùi Ngọc Vương

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0941-2013-152-1

Hà Nội, ngày 23 tháng 01 năm 2015

Kiểm toán viên



Bùi Ngọc Hà

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0662-2013-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tại ngày 31 tháng 12 năm 2014)

Đơn vị: triệu đồng

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn	100		476.820	847.604
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	272.255	454.567
1. Tiền	111		205.255	167.567
2. Các khoản tương đương tiền	112		67.000	287.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		35.044	328.686
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.04	36.073	328.785
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn ^(*)	129		(1.029)	(99)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.11	168.918	63.417
1. Phải thu của khách hàng	131		275	4.640
2. Trả trước cho người bán	132		1.541	1.492
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		161.300	50.869
5. Các khoản phải thu khác	138		5.802	6.416
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi ^(*)	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		60	85
1. Hàng tồn kho	141	V.02	60	85
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho ^(*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		542	848
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		531	836
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán trái phiếu chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		11	12

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tại ngày 31 tháng 12 năm 2014) (tiếp theo)

Đơn vị: triệu đồng

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. Tài sản dài hạn	200		662.458	234.670
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi ^(*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		43.420	5.488
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	5.675	2.131
- Nguyên giá	222		25.617	20.959
- Giá trị hao mòn lũy kế ^(*)	223		(19.942)	(18.828)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế ^(*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.06	37.745	3.357
- Nguyên giá	228		52.284	15.528
- Giá trị hao mòn lũy kế ^(*)	229		(14.539)	(12.171)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.04	600.269	209.652
1. Đầu tư chứng khoán dài hạn	253		606.802	209.652
- Chứng khoán sẵn sàng để bán	254		606.802	209.652
- Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
2. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		(6.533)	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		18.769	19.530
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07	8.673	10.474
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	263	V.10	10.096	9.056
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
Tổng tài sản	270		1.139.278	1.082.273

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN*(tại ngày 31 tháng 12 năm 2014) (tiếp theo)*

Đơn vị: triệu đồng

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: triệu đồng	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A. Nợ phải trả	300		213.282	182.422
I. Nợ ngắn hạn	310		211.642	180.118
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	-	-
2. Phải trả người bán	312		1.167	1.057
3. Người mua trả tiền trước	313		744	578
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.08	7.804	6.312
5. Phải trả người lao động	315		10.046	7.074
6. Chi phí phải trả	316		-	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.14	1.066	1.160
9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	V.17	182.222	153.438
10. Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi chứng khoán	321		2.658	2.829
11. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		-	-
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		4.533	6.170
14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		1.402	1.500
15. Dự phòng phải trả ngắn hạn	329		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.640	2.303
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	338		1.640	2.303
B. Vốn chủ sở hữu	400		925.996	899.852
I. Vốn chủ sở hữu	410		925.996	899.852
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		789.934	789.934
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		6.274	1.920
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		14.179	10.917
4. Cổ phiếu quỹ	414		(256)	(8.989)
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		14.179	10.917
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		101.687	95.154
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Tổng nguồn vốn	440		1.139.278	1.082.273

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tại ngày 31 tháng 12 năm 2014) (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001	19.980	19.980
6. Chứng khoán lưu ký	006	8.145.159	5.252.280
6.1 Chứng khoán giao dịch	007	5.267.731	4.989.728
6.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	10.436	10.807
6.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	5.255.257	4.976.819
6.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	2.038	2.102
6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	36.819	38.379
6.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch khách hàng trong nước	014	36.819	38.379
6.3. Chứng khoán cầm cố	017	2.512.422	101.541
6.3.2 Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019	2.512.422	101.541
6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	027	97.868	104.603
6.5.1 Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028	-	300
6.5.2 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	97.868	104.303
6.6. Chứng khoán phong tỏa chờ rút	032	-	12.900
6.6.1 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của thành viên lưu ký	034	-	12.900
6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	037	2.726	5.130
6.7.1 Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038	0,11	0,1
6.7.2 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	2.726	5.129
6.7.3 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	040	-	0,46
6.8 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	042	277.593	-
6.8 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của KH trong nước	044	227.593	-
7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050	126.053	19.840
7.1. Chứng khoán giao dịch	051	126.053	19.840
7.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	052	4	19.840
7.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053	126.029	-
7.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	054	20	-
8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	082	-	22
9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083	110.687	350.808

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2014

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Doanh thu	01		177.266	148.476
Trong đó:				
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		53.961	30.181
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		58.407	67.066
Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3		300	1.191
Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		1.910	65
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		30.095	9.183
Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		4.782	5.763
Doanh thu hoạt động uỷ thác đấu giá	01.7		-	-
Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		-	-
Doanh thu khác	01.9		27.811	35.028
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)	10		177.266	148.476
Chi phí hoạt động kinh doanh	11		60.709	35.262
Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		116.558	113.214
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		33.619	27.667
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20- 25)	30		82.938	85.548
Thu nhập khác	31		236	13
Chi phí khác	32		4	0,28
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		232	13
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		83.170	85.560
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.01	16.721	20.323
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		66.450	65.237
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.02	852	840

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ NĂM 2014 (Phương pháp gián tiếp)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		83.170	85.560
2. Điều chỉnh cho các khoản			-	-
Khấu hao tài sản cố định	02		4.216	5.010
Các khoản dự phòng	03		7.464	(6.385)
Lãi)/lỗ chênh lệch TGHĐ chưa thực hiện	04		-	-
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(64.229)	(85.282)
Chi phí lãi vay	06		9	755
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		30.629	(343)
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(106.130)	39.407
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		24	(44)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		33.414	(25.708)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		2.105	1.527
Tiền lãi vay đã trả	13		(9)	(755)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(17.645)	(19.053)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		680	1.223
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(10.128)	(7.186)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(67.058)	(10.931)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ NĂM 2014 (Phương pháp gián tiếp)

(tiếp theo)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(42.148)	(1.855)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		235	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(475.000)	(526.746)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		380.000	747.746
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(11.569)	(80.800)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	12.797
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		66.755	96.604
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30		(81.728)	247.745
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		13.087	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		15.000	65.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(15.000)	(65.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(46.613)	(46.580)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(33.526)	(46.580)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(182.312)	190.234
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		454.567	264.334
Ảnh hưởng thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		272.255	454.567

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU NĂM 2013

Chi tiêu	Thuyết minh	Đơn vị: triệu đồng									
		Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm			
		Năm trước	Năm nay	Tăng	Giảm	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		789.934	789.934	-	-	-	-	789.934	789.934	789.934	789.934
2. Thặng dư vốn cổ phần		1.920	1.920	-	-	4.353	-	1.920	6.274	1.920	6.274
3. Vốn khác của chủ sở hữu		7.280	10.917	3.637	-	3.262	-	10.917	14.179	10.917	14.179
4. Cổ phiếu quỹ (*)		(8.989)	(8.989)	-	-	-	8.734	(8.989)	(256)	(8.989)	(256)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính		7.280	10.917	3.637	-	3.262	-	10.917	14.179	10.917	14.179
9. Các quỹ khác thuộc VCSH		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	VIII.03	93.078	95.154	65.237	(63.161)	66.450	(59.916)	95.154	101.687	95.154	101.687
Cộng		890.502	899.852	72.511	(63.161)	77.327	(51.183)	899.852	925.996	899.852	925.996

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần, trong đó vốn của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chiếm 75,6% tổng số vốn điều lệ.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty thực hiện các hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán bao gồm:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

3. Tổng số công nhân viên và người lao động

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 số công nhân viên của Công ty là 118 người.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 10 năm
Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	03 năm
Quyền sử dụng đất có thời hạn	50 năm
Phần mềm máy vi tính	03 - 05 năm

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư chứng khoán: được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác: được ghi nhận theo giá gốc.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn:

Dự phòng giảm giá chứng khoán lập cho từng loại chứng khoán được tự do mua, bán trên thị trường tại thời điểm lập báo cáo tài chính có giá thực tế thị trường giảm so với giá hạch toán trên sổ kế toán.

Giá thị trường của chứng khoán niêm yết, chứng khoán đăng ký giao dịch giá chứng khoán để trích lập dự phòng là giá chứng khoán thực tế tại sở giao dịch chứng khoán của ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc năm tài chính.

Giá trị thị trường của chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của 3 Công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất nhưng không quá một tháng tính đến ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp chứng khoán không có giao dịch thực tế phát sinh trong khoảng thời gian trên thì không trích lập dự phòng.

Đối với những chứng khoán niêm yết bị huỷ hoặc bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn:

Được trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính dài hạn theo quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp: Theo thông tư 228/2009/TT-BTC và thông tư 89/2013/TT-BTC.

4. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh

Giá trị lợi thế kinh doanh đang phản ánh trên khoản mục “Chi phí trả trước dài hạn” là giá trị lợi thế kinh doanh ghi nhận theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.

Giá trị lợi thế kinh doanh được phân bổ dần vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian 10 năm.

5. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu, bao gồm: vốn góp của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và vốn góp của các cổ đông khác trong Công ty Cổ phần.

Thặng dư vốn cổ phần: là khoản chênh lệch do bán cổ phần phát hành để lại cho Công ty Cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu: là khoản trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

6. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ: được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

Doanh thu từ kinh doanh chứng khoán

Doanh thu từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Doanh thu tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) ngoại trừ lãi dồn tích trước ngày mua (được ghi giảm giá vốn chứng khoán) hoặc khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và tương đương tiền

Tiền và tương đương tiền	Đơn vị: triệu đồng	
	Thời điểm	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	58	143

Tiền gửi ngân hàng	190.213	162.928
Trong đó:		
- Tiền ký quỹ của nhà đầu tư	162.349	147.828
Tiền đang chuyển	-	-
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch CK	14.984	4.496
Trong đó:		
- Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch CK của nhà đầu tư	14.928	4.278
Các khoản tương đương tiền	67.000	287.000
Cộng	272.255	454.567

2. Hàng tồn kho

Đơn vị: triệu đồng

Hàng tồn kho	Thời điểm	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	7	33
Công cụ, dụng cụ	53	52
Cộng	60	85

3. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

Chỉ tiêu	Giao dịch thực hiện trong năm	
	Khối lượng	Giá trị (triệu đồng)
Của công ty chứng khoán	12.307.149	245.226
- Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ	12.307.149	245.226
- Trái phiếu	-	-
Của nhà đầu tư	1.507.026.869	25.683.883
- Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ	1.507.026.869	25.683.883
- Trái phiếu	-	-
Tổng cộng	1.519.334.018	25.929.109

4. Tình hình đầu tư tài chính

Chi tiêu	Số lượng		Giá trị theo số kế toán		Số với giá trị trường				Tổng giá trị theo giá thị trường		Đơn vị: triệu đồng
					Tăng		Giảm				
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013	
I Đầu tư ngắn hạn											
1 Cổ phiếu	975,933	1,145,159	36,073	328,785	475	176	1,029	99	35,519	328,862	
Cổ phiếu niêm yết	501,392	680,290	13,018	7,104	140	38	777	86	18,019	12,595	
+ Trong đó: các cổ phiếu giám so với giá thị trường	301,794	144,540	7,573	2,431	-	25	777	86	6,797	2,370	
MBB: Ngân hàng TMCP Quân Đội	-	120,008	-	1,548	-	-	-	24	-	1,524	
FPT: CTCP Phát triển đầu tư công nghệ FPT	7	15,000	726	726	-	-	-	20	-	707	
PLC: CTCP Hóa dầu Petrolimex	198,211	-	6,680	-	-	-	733	-	5,946	-	
SHB: Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	100,006	-	832	-	-	-	22	-	810	-	
Các cổ phiếu lẻ khác	3,570	9,532	61	157	25	21	21	43	40	139	
474,541	464,869	5,555	5,551	336	-	-	253	13	5,638	5,539	
Cổ phiếu chưa niêm yết											
+ Trong đó các cổ phiếu giám so với giá thị trường	34,271	806	377	18	-	-	253	13	124	5	
TBPTDN: CTCP Thiết bị Phụ tùng Đà Nẵng	33,271	-	355	-	-	-	236	-	120	-	
Các cổ phiếu lẻ và cổ phiếu bị hủy niêm yết (*)	1,000	806	21	18	-	-	17	13	4	5	
2 Trái phiếu	-	215	-	215,000	-	-	-	-	-	215,000	
3 Chứng chỉ quỹ	750,000	149,950	7,500	1,130	-	137	-	-	7,500	1,267	
4 Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng (**)	-	-	10,000	100,000	-	-	-	-	10,000	100,000	
II Chứng khoán đầu tư											
1 Chứng khoán sẵn sàng để bán											
+ Cổ phiếu chưa niêm yết	9,950,324	9,950,324	152,800	152,800	-	-	6,533	-	600,269	209,652	
Trong đó cổ phiếu giám so với giá trị thị trường											
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP (***)	8,000,000	8,000,000	80,800	80,800	-	-	6,533	-	74,267	80,800	
+ Trái phiếu	40,450	540,000	454,002	56,852	-	-	-	-	454,002	56,852	

Trong đó:

(**): Là những cổ phiếu bị hủy niêm yết trích lập theo giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

(**): Là khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng nhưng theo thỏa thuận Công ty có thể rút trước hạn bất cứ thời điểm nào.

(***): Là khoản đầu tư dài hạn trích lập theo giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

5. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị: triệu đồng

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện Vận tải	Thiết bị, dụng cụ QL	Tài sản cố định khác	Cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu năm	206	13.820	4.577	2.318	39	20.959
- Mua trong năm	4.866	302	-	224	-	5.393
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(529)	-	-	(529)
- Giảm khác	(206)	-	-	-	-	(206)
Số dư cuối năm	4.866	14.122	4.048	2.542	39	25.617
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	206	12.751	3.674	2.192	6	18.828
- Số khấu hao trong năm	461	717	563	98	10	1.848
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(529)	-	-	(529)
- Giảm khác	(206)	-	-	-	-	(206)
Số dư cuối năm	461	13.468	3.708	2.289	16	19.942
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	-	1.069	903	126	33	2.131
2. Tại ngày cuối năm	4.405	655	340	252	23	5.675

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng 15.044.696.686 đồng.

6. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền	TSCĐ	Cộng
	sử dụng đất	vô hình khác	
I. Nguyên giá			
Số dư đầu năm	-	15.528	15.528
- Mua trong năm	36.756	-	36.756
- Tăng khác	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối năm	36.756	15.528	52.284
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	12.171	12.171
- Số khấu hao trong năm	464	1.903	2.368
- Tăng khác	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối năm	464	14.075	14.539
III. Giá trị còn lại			
1. Tại ngày đầu năm	-	3.357	3.357
2. Tại ngày cuối năm	36.291	1.454	37.745

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng số tiền 12.772.022.872 đồng

7. Chi phí trả trước dài hạn

Đơn vị: triệu đồng

Chi phí trả trước dài hạn	Thời điểm	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Giá trị lợi thế kinh doanh theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp	8.167	9.982
Chi phí trả trước dài hạn khác chờ phân bổ	506	492
Cộng	8.673	10.474

8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị: triệu đồng

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Thời điểm	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	2.365	419
Thu nhập doanh nghiệp	4.605	5.529
Thu nhập cá nhân	834	363
Cộng	7.804	6.312

10. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán

Đơn vị: triệu đồng

Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	Thời điểm	
	Năm nay	Năm trước
Tiền nộp ban đầu	3.154	3.154
Tiền nộp bổ sung	3.887	3.849
Tiền lãi phân bổ	3.054	2.052
Số cuối năm	10.096	9.056

11. Các khoản phải thu ngắn hạn

Chi tiêu	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm		Đơn vị: triệu đồng
	Tổng số	Số quá hạn	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	
1. Phải thu của khách hàng	4.640	-	81.673	86.038	275	-	Số dự phòng đã lập
2. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	50.889	-	2.064.577	1.954.146	161.300	-	
- Phải thu của Sở (Trung tâm) GDCK	381	-	126.620	127.001	-	-	
- Phải thu Trung tâm tư ký chứng khoán	-	-	-	-	-	-	
- Phải thu khách hàng về GDCK	50.488	-	1.937.957	1.827.145	161.300	-	
+ Phải thu khách hàng GDCK về phi dịch vụ	204	-	28.889	28.774	300	-	
+ Phải thu khách hàng GDCK về bộ quỹ (*)	50.284	-	1.909.068	1.798.372	161.000	-	
- Phải thu tổ chức phát hành chứng khoán	-	-	-	-	-	-	
3. Thuế GTGT được khấu trừ	-	-	1.154	1.154	-	-	
4. Phải thu nội bộ khác	-	-	-	-	-	-	
5. Phải thu khác	7.908	-	436.509	437.075	7.943	-	
- Trả tiền trước cho người bán	1.492	-	43.312	43.263	1.541	-	
- Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	-	-	-	-	-	-	
- Phải thu khác (**)	6.416	-	393.196	393.812	5.802	-	
Cộng	63.417	-	2.583.913	2.478.412	168.918	-	

(*) Giá trị tài sản đảm bảo của các chứng khoán giao dịch kỳ quỹ căn cứ theo giá đóng của đối với cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đầu tư niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại ngày kết thúc năm tài chính là 510.902.290.465 đồng.

(**) Trong đó	Đơn vị: triệu đồng	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	168	2.231
Cổ tức	535	-
Lãi trái phiếu	5.013	4.114
Các khoản khác	86	71
Cộng	5.802	6.416

13. Vay ngắn hạn

Đơn vị: VNĐ

Khoản vay	Lãi suất vay	Số dư đầu năm	Số vay trong năm	Số trả trong năm	Số dư cuối năm
Vay Ngân hàng					
INDOVINA – Chi nhánh Đồng Đa	15%	-	15.000.000.000	15.000.000.000	-
Vay cá nhân		-	-	-	-
Cộng		-	15.000.000.000	15.000.000.000	-

14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

Đơn vị: triệu đồng

Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	Thời điểm	
	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Kinh phí công đoàn	12	11
2. Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.055	1.150
- Phải trả cổ tức CTS cho nhà đầu tư	78	69
- Phải trả khác	977	1.081
Cộng	1.066	1.160

17. Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Đơn vị: triệu đồng

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	Thời điểm	
	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Phải trả SGDCK	395	291
2. Phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán	267	223
3. Phải trả tổ chức, cá nhân khác	181.561	152.924
- Phải trả nhà đầu tư về tiền giao dịch chứng khoán	177.435	152.206
- Phải trả khác	4.126	718
Cộng	182.222	153.438

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Đơn vị: triệu đồng

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	Năm	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	16.721	20.323
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	16.721	20.323

2. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm	
	Năm nay	Năm trước
1. Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	66.450	65.237
2. Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông hiện hữu cổ phiếu phổ thông	66.450	65.237
3. Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	77.996.924	77.703.400
4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	852	840

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có thông tin.

VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

1. Thông tin bổ sung cho Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Ghi chú
Phần cổ tức đã được đề xuất, hoặc được công bố sau ngày lập bảng cân đối kế toán nhưng trước khi báo cáo tài chính được phép phát hành	Không có
Giá trị cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	Không có
Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu	Không có

2. Cổ phiếu

Chỉ tiêu	Năm	
	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	78.993.400	78.993.400
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	78.993.400	78.993.400
- Cổ phiếu phổ thông	78.993.400	78.993.400
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	36.700	1.290.000
- Cổ phiếu phổ thông	36.700	1.290.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	78.956.700	77.703.400
- Cổ phiếu phổ thông	78.956.700	77.703.400
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

3. Phân phối lợi nhuận

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm	
	Năm nay	Năm trước
- Trả cổ tức	46.622	46.622
- Vốn khác của chủ sở hữu	3.262	3.637
- Quỹ dự phòng tài chính	3.262	3.637
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	5.466	7.810
- Thù lao, thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	1.305	1.455
Cộng	59.916	63.161

IX. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên có liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt

Đơn vị: triệu đồng

	Năm nay	Năm trước
Chi thù lao, thưởng HĐQT, Ban kiểm soát	1.305	434

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Là Công ty mẹ nắm giữ 75,6% vốn điều lệ
- Công ty Bảo hiểm Ngân hàng Công thương Việt Nam	Công ty có cùng công ty mẹ
- Công ty Quản lý quỹ Ngân hàng Công thương Việt Nam	Công ty có cùng công ty mẹ

Các giao dịch chủ yếu trong năm giữa Công ty với các bên liên quan trong năm như sau:

Đơn vị: triệu đồng

Nội dung	Năm nay	Năm trước
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam		
- Thu lãi tiền gửi	10.426	23.835
- Chi hoa hồng môi giới và hợp tác kinh doanh	8.027	5.255
- Chi trả cổ tức	35.834	35.834
- Thu phí tư vấn phát hành trái phiếu	-	3.013
Công ty Bảo hiểm Ngân hàng Công thương Việt Nam		
- Phí bảo hiểm	237	-
Công ty Quản lý quỹ Ngân hàng Công thương Việt Nam		
- Phí tư vấn	5.000	-
- Thu từ ủy thác quản lý danh mục Trái phiếu	213	-

Số dư với bên liên quan:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, số dư của Công ty với các bên liên quan như sau:

Đơn vị: triệu đồng

Nội dung	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam		
- Số dư tiền gửi không kỳ hạn	185.779	159.931
- Số dư tiền gửi có kỳ hạn	77.000	387.000
- Phải thu về lãi tiền gửi	168	2.231
- Phải thu khác (phí tư vấn, phí lưu ký, khác)	8	50
Công ty Quản lý quỹ Ngân hàng Công thương Việt Nam		
- Ủy thác quản lý danh mục Trái phiếu	450.000	-

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh.

Thông tin bộ phận theo khu vực địa lý:

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

Lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính là: Hoạt động môi giới, giao dịch chứng khoán, hoạt động tự doanh, hoạt động tư vấn và hoạt động lưu ký chứng khoán.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty cụ thể như sau:

Đơn vị: triệu đồng

	Hoạt động môi giới, giao dịch chứng khoán	Hoạt động tự doanh	Hoạt động tư vấn	Hoạt động lưu ký	Hoạt động đầu tư khác	Cộng
Năm nay						
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	53.961	58.707	32.005	4.782	27.811	177.266
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-	-
Chi phí phân bổ	40.448	27.436	15.177	4.123	7.144	94.328
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	13.513	31.271	16.828	659	20.667	82.938
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ và tài sản dài hạn khác	12.921	13.916	7.586	1.133	6.592	42.148
Số dư cuối năm						
Tài sản trực tiếp của bộ phận	41.702	648.903	10.080	1.633	436.90	1.139.22
Tài sản không phân bổ					2	0
						58
Tổng tài sản	41.702	648.903	10.080	1.633	436.90	1.139.27
					110.73	
Nợ phải trả bộ phận	76.994	6.651	4.370	10.003	1	208.750
Nợ phải trả không phân bổ						4.533
Tổng nợ phải trả	76.994	6.651	4.370	10.003	110.73	213.282

Đơn vị: triệu đồng

	Hoạt động môi giới, giao dịch chứng khoán	Hoạt động tự doanh	Hoạt động tư vấn	Hoạt động lưu ký	Hoạt động đầu tư khác	Cộng
Năm trước						
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	30.181	68.257	9.248	5.763	35.028	148.476
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-	-
Chi phí phân bổ	28.337	15.969	5.142	3.893	9.588	62.929
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.844	52.288	4.106	1.870	25.440	85.548
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	377	854	115	72	438	1.855
Số dư cuối năm trước						
Tài sản trực tiếp của bộ phận	17.208	451.538	5.781	810	606.794	1.082.130
Tài sản không phân bổ						143
Tổng tài sản	17.208	451.538	5.781	810	606.794	1.082.273
Nợ phải trả bộ phận	68.887	7.180	1.543	7.463	91.179	176.251
Nợ phải trả không phân bổ						6.170
Tổng nợ phải trả	68.887	7.180	1.543	7.463	91.179	182.422

3. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Đơn vị: triệu đồng

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	36.073	328.785	35.519	328.862
<i>Chứng khoán thương mại</i>	<i>26.073</i>	<i>228.785</i>	<i>25.519</i>	<i>228.862</i>
- Cổ phiếu niêm yết	13.018	7.104	12.381	7.056
- Cổ phiếu chưa niêm yết (*)	5.555	5.551	5.638	5.539
- Trái phiếu (*)	-	215.000	-	215.000
- Chứng chỉ quỹ	7.500	1.130	7.500	1.267
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	10.000	100.000	10.000	100.000
Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác	167.377	61.926	167.377	61.926
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	606.802	209.652	600.269	209.652
<i>Chứng khoán sẵn sàng để bán</i>	<i>606.802</i>	<i>209.652</i>	<i>600.269</i>	<i>209.652</i>
- Cổ phiếu niêm yết	-	-	-	-
- Cổ phiếu chưa niêm yết	152.800	152.800	146.267	152.800
- Trái phiếu(*)	454.002	56.852	454.002	56.852
Tiền và các khoản tương đương tiền	272.255	454.567	272.255	454.567
Cộng	1.082.508	1.054.930	1.075.420	1.055.007
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	182.222	153.438	182.222	153.438
Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	-	-	-	-
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Phải trả người bán, phải trả khác	2.233	2.217	2.233	2.217
Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	2.658	2.829	2.658	2.829
Cộng	187.113	158.484	187.113	158.484

(*) Giá trị hợp lý của những khoản mục này được trình bày theo giá trị ghi sổ do không có đủ thông tin để xác định giá trị hợp lý.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và các khoản hợp tác kinh doanh được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
- Giá trị hợp lý của các chứng khoán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính.

4. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 4 loại: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá cổ phần và rủi ro hàng hóa.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản nợ phải trả tài chính.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Rủi ro về thay đổi tỷ giá ngoại tệ của Công ty chủ yếu liên quan đến các hoạt động của Công ty khi doanh thu hoặc chi phí có gốc ngoại tệ khác so với đồng tiền kế toán của Công ty.

Rủi ro về giá cổ phần

Chứng khoán vốn niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ chịu ảnh hưởng của rủi ro giá thị trường phát sinh do tình trạng không chắc chắn về giá trong tương lai của các khoản đầu tư chứng khoán.

Rủi ro giá hàng hóa

Công ty không có rủi ro về thay đổi giá hàng hóa.

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Đầu tư chứng khoán nợ

Rủi ro tín dụng liên quan đến đầu tư chứng khoán nợ dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty về đầu tư chứng khoán. Tại mỗi kỳ lập báo cáo tài chính, Công ty đánh giá rủi ro tín dụng đối với các chứng khoán nợ trên cơ sở thông tin về tình hình thị trường và khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo tài chính trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Các khoản phải thu khách hàng của Công ty thuộc một số lượng lớn khách hàng đa dạng và có tài sản đảm bảo đối ứng, do đó không có rủi ro tập trung tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các Chi nhánh Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam và một số ngân hàng lớn tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng từ số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận kế toán và Bộ phận nguồn vốn theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các thành phần trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo tài chính là giá trị ghi sổ như đã trình bày ở thuyết minh V.1 trang 17. Công ty đánh giá rủi ro tập trung về tín dụng liên quan đến tiền gửi ngân hàng ở mức độ thấp.

6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản tương đương tiền ở mức độ mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền. Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số đầu năm				
Vay và nợ ngắn hạn	-	-	-	-
Phải trả người bán, phải trả khác	2.217	-	-	2.217
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	153.438	-	-	153.438
Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	2.829	-	-	2.829
Cộng	158.484	-	-	158.484
Số cuối năm				
Vay và nợ ngắn hạn	-	-	-	-
Phải trả người bán, phải trả khác	2.233	-	-	2.233
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	182.222	-	-	182.222
Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	2.658	-	-	2.658
Cộng	187.113	-	-	187.113

7. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

8. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Hà Nội, ngày 09 tháng 01 năm 2015

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
		
Bùi Diệu Thúy	Phan Hải Sâm	Đỗ Linh Phương



Xác nhận của đại diện theo pháp luật của Công ty

Tổng Giám đốc





ĐỖ LINH PHƯƠNG



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Trụ sở chính – Head Office

306 Bà Triệu – Q. Hai Bà Trưng – Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 6278 0012 – Fax: (84-4) 3974 1760

Chi nhánh TP.HCM – HCMC Branch

49 Tôn Thất Đạm – P.Nguyễn Thái Bình – Quận 1 – TP.HCM

Điện thoại: (84-8) 3820 9987 – Fax: (84-8) 3820 0921